

ĐỀ ÁN
SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH
CẤP XÃ GIAI ĐOẠN 2023 - 2025 CỦA TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện và cấp xã; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025; ý kiến của Bộ Nội vụ tại Công văn số 7442/BNV-CQĐP ngày 18/12//2023 của Bộ Nội vụ về việc góp ý Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 của tỉnh Phú Yên, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 như sau:

Phần I

CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT
SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
- Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện và cấp xã; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2017/QH14 và Luật số 47/2019/QH14.
- Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
- Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022.

6. Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân loại đô thị đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022.

7. Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

8. Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

9. Phương án số 02/PA-UBND ngày 31/10/2023 của UBND tỉnh về tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Phú Yên; Kết luận số 491-KL/TU ngày 31/10/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Yên về việc thống nhất Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Phú Yên.

10. Công văn số 7442/BNV-CQĐP ngày 18/12/2023 của Bộ Nội vụ về việc góp ý Phương án số 02/PA-UBND ngày 31/10/2023 về tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Phú Yên và ý kiến của các Bộ, ngành trung ương có liên quan.

11. Phương án số 01/PA-UBND ngày 09/01/2024 của UBND tỉnh về tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã 2023 – 2025 của tỉnh Phú Yên (sau khi tiếp thu, hoàn chỉnh theo ý kiến của Bộ Nội vụ và các Bộ, cơ quan Trung ương).

12. Kế hoạch số 205-KH/TU ngày 06/03/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2030 của tỉnh Phú Yên.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH PHÚ YÊN

Việc sắp xếp đơn vị hành chính là chủ trương lớn của Đảng. Giai đoạn 2019 – 2021 tỉnh Phú Yên đã thực hiện sắp xếp, giảm 02 ĐVHC cấp xã đạt kết quả tốt, được sự đồng thuận của nhân dân, các ĐVHC hành thành sau sắp xếp hoạt động bình thường, ổn định, trật tự an toàn xã hội cơ bản tốt lên, góp phần phát huy mọi nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân.

Căn cứ Kết luận 48/KL-TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2030; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2030 và Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2025, UBND tỉnh Phú Yên đã tổ chức rà soát các ĐVHC thuộc diện sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 là những ĐVHC cấp huyện, cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% tiêu chuẩn quy định; ĐVHC cấp huyện đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn quy định; ĐVHC cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn quy định. Khuyến khích các địa phương chủ động đề xuất sắp xếp ĐVHC phù hợp với thực tiễn địa phương (*kể cả các ĐVHC đã đảm bảo tiêu chuẩn*) để giảm số lượng ĐVHC, tăng quy mô của từng ĐVHC, giải quyết các vấn đề còn bất

hợp lý về phân định địa giới ĐVHC, tinh gọn tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế, tạo thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước, hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và đời sống của Nhân dân.

Qua tổ chức rà soát hiện trạng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2023 – 2025 tỉnh Phú Yên không có ĐVHC cấp huyện thuộc diện sắp xếp; có 05 ĐVHC cấp xã của thành phố Tuy Hòa (gồm xã Bình Ngọc, phường 1, phường 2, phường 3, phường 4). Do đó, tỉnh Phú Yên xây dựng Đề án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã để cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước. Việc sắp xếp 05 ĐVHC cấp xã của thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên giai đoạn 2023 – 2025 là hoàn toàn phù hợp với chủ trương của Đảng và quy định pháp luật; mở rộng không gian phát triển cho các phường trung tâm của thành phố Tuy Hòa và huy động nguồn lực, lợi thế sẵn có của các địa phương để xây dựng thành phố Tuy Hòa phát triển bền vững, tinh gọn tổ chức, bộ máy và nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền địa phương.

Phần II

HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ CỦA TỈNH PHÚ YÊN

I. QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP, GIẢI THỂ, NHẬP, CHIA, ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI ĐVHC CÁC CẤP CỦA TỈNH PHÚ YÊN TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

1. Khái quát quá trình thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới ĐVHC các cấp và sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của tỉnh Phú Yên từ năm 1945 đến nay (chia ra các giai đoạn: 1945 - 1975; 1975 - 1997; 1997 - 2018 và từ 2019 đến nay)

- Giai đoạn 1945 - 1975:

+ Giữa năm 1946, tỉnh Phú Yên thực hiện chủ trương của Ủy ban hành chính Trung Bộ, chấn chỉnh lại các cấp hành chính, chuyển cấp thôn thành cấp xã (84 xã). Tháng 11/1946, tỉnh Phú Yên chia làm 6 chiến khu; giữa năm 1947, tỉnh Phú Yên thành lập cấp huyện thay cho chiến khu.

+ Năm 1954, sau khi Hiệp định Giơnevơ ký kết, Phú Yên thuộc vùng kiểm soát của ngụy quyền Sài Gòn, bãi bỏ chế độ uỷ ban, thay thế bằng bộ máy hành chính quốc gia, đứng đầu là tỉnh trưởng, các tên huyện được đổi thành quận. Lúc này, Phú Yên có thêm quận Sông Cầu, quận Phú Đức, quận Sơn Hoà, quận Hiếu Xương. Tháng 9/1962, ba quận Phú Đức, Sơn Hoà, Đồng Xuân cắt về tỉnh Phú Bổn (một tỉnh ở vùng Cao Nguyên mới được thành lập).

+ Sau khi đất nước hoàn toàn thống nhất, ngày 03/11/1975, tỉnh Phú Yên sáp nhập với tỉnh Khánh Hoà thành tỉnh Phú Khánh.

- Giai đoạn 1975 - 1997:

+ Từ năm 1989 (tái lập tỉnh) đến năm 1990 tỉnh Phú Yên có 7 đơn vị hành chính gồm thị xã Tuy Hòa và 6 huyện: Đồng Xuân, Sơn Hòa, Sông Cầu, Sông Hinh, Tuy An, Tuy Hòa và có 91 ĐVHC cấp xã gồm: 79 xã, 06 thị trấn, 06 phường.

+ Năm 1991: Tỉnh Phú Yên có 06 huyện, 01 thị xã và 93 ĐVHC cấp xã gồm: 81 xã, 06 thị trấn, 06 phường (từ 79 xã tăng lên 81 xã là do chia xã Đức Bình thành 02 xã: Đức Bình Đông và Đức Bình Tây; chia xã Ea Bá thành 02 xã: Ea Bá và Ea Bar).

+ Năm 1995: Tỉnh Phú Yên có 06 huyện, 01 thị xã và 97 ĐVHC cấp xã gồm: 85 xã, 06 thị trấn, 06 phường (từ 81 xã tăng lên 85 xã là do điều chỉnh xã Ea Bá và xã Krông Pa để thành lập xã Ea Lâm; chia xã Hòa Xuân thành 03 xã: Hòa Xuân Tây, Hòa Xuân Đông và Hòa Xuân Nam; chia xã Hòa Phong thành 02 xã: Hòa Phong và Hòa Phú).

+ Năm 1997: Tỉnh Phú Yên có 06 huyện, 01 thị xã và 98 ĐVHC cấp xã gồm: 86 xã, 06 thị trấn, 06 phường (theo Nghị định số 104/1997/NĐ-CP ngày 20/10/1997 của Chính phủ về việc thành lập xã Ea Chà Rang thuộc huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên).

- Giai đoạn 1997 – 2018:

+ Năm 1999: Tỉnh Phú Yên có 06 huyện, 01 thị xã và 101 ĐVHC cấp xã gồm: 87 xã, 06 thị trấn, 08 phường (tăng thêm 01 xã và 02 phường là do chia Phường 2 thành 02 phường: Phường 2 và Phường 8; chia Phường 5 thành 02 phường: Phường 5 và Phường 7; điều chỉnh thị trấn Củng Sơn và xã Sơn Phước thành lập xã Suối Bạc).

+ Năm 2002: Tỉnh Phú Yên có 07 huyện, 01 thị xã và 101 ĐVHC cấp xã gồm: 87 xã, 06 thị trấn, 08 phường (theo Nghị định số 15/2002/NĐ-CP ngày 31/01/2002 Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính thị xã Tuy Hòa để thành lập huyện Phú Hòa và thị xã Tuy Hòa).

+ Năm 2003: Tỉnh Phú Yên có 07 huyện, 01 thị xã và 104 ĐVHC cấp xã gồm: 89 xã, 06 thị trấn, 09 phường (theo Nghị định số 95/2003/NĐ-CP ngày 20/8/2003 của Chính phủ về việc thành lập xã, phường thuộc các huyện Sông Hinh, Phú Hòa và thị xã Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên).

+ Năm 2005: Tỉnh Phú Yên có 08 huyện, 01 thành phố và 106 ĐVHC cấp xã gồm: 91 xã, 06 thị trấn, 09 phường (theo Nghị định số 03/2005/NĐ-CP ngày 05/01/2005 của Chính Phủ về việc thành lập thành phố Tuy Hòa, thuộc tỉnh Phú Yên, điều chỉnh địa giới hành chính mở rộng thành phố Tuy Hòa và thành lập phường Phú Lâm và theo Nghị định số: 62/2005/NĐ-CP ngày 16/5/2005 của Chính phủ về việc thành lập xã thuộc huyện Tuy Hòa, Sông Cầu và chia huyện Tuy Hòa thành huyện Đông Hòa và huyện Tây Hòa).

+ Năm 2007: Tỉnh Phú Yên có 08 huyện, 01 thành phố và 109 ĐVHC cấp xã gồm: 91 xã, 07 thị trấn, 11 phường (theo Nghị định số 175/2007/NĐ-CP ngày 03/12/2007 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính xã, phường; thành lập phường, thị trấn thuộc huyện Phú Hòa, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên).

+ Năm 2009: Tỉnh Phú Yên có 07 huyện, 01 thị xã, 01 thành phố và 112 ĐVHC cấp xã gồm: 91 xã, 05 thị trấn, 16 phường (theo Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 27/8/2009 của Chính phủ về việc thành lập thị xã Sông Cầu, thành lập phường thuộc thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên).

+ Năm 2013: Tỉnh Phú Yên có 07 huyện, 01 thị xã, 01 thành phố và 112 ĐVHC cấp xã gồm: 88 xã, 16 phường, 08 thị trấn (theo Nghị quyết số 94/NQ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ về việc thành lập thị trấn Hòa Vinh, thị trấn Hòa Hiệp Trung thuộc huyện Đông Hòa và thị trấn Phú Thứ thuộc huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên).

- Từ 2019 đến nay:

+ Năm 2019: Tỉnh Phú Yên có 07 huyện, 01 thị xã, 01 thành phố và có 110 ĐVHC cấp xã gồm: 86 xã, 16 phường, 08 thị trấn (Nghị quyết số 817/NQ-UBTVQH14 ngày 21/11/2019 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Phú Yên).

+ Năm 2020: Tỉnh Phú Yên có 06 huyện, 02 thị xã, 01 thành phố và có 110 ĐVHC cấp xã gồm: 83 xã, 21 phường, 06 thị trấn (Nghị quyết số 931/NQ-UBTVQH14 ngày 22/4/2020 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về việc thành lập thị xã Đông Hòa và các phường thuộc thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên).

2. Số lượng ĐVHC các cấp đến thời điểm lập Đề án: có 09 ĐVHC cấp huyện gồm: 06 huyện, 02 thị xã, 01 thành phố và có 110 ĐVHC cấp xã gồm: 83 xã, 21 phường, 06 thị trấn.

II. ĐVHC CÁC CẤP CỦA TỈNH PHÚ YÊN

1. Tỉnh Phú Yên

1.1. Diện tích tự nhiên **5.025,96** km²

1.2. Quy mô dân số **1.031.715** người (theo số liệu điều tra dân cư).

1.3. Các chỉ tiêu cơ bản về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh Phú Yên

1.3.1. Kinh tế - xã hội⁽¹⁾:

Đến năm 2022, sau đại dịch Covid-19, nền kinh tế cả nước nói chung và tỉnh Phú Yên nói riêng đã có bước phục hồi nhưng tình vẫn còn đối mặt không ít khó khăn, thách thức về giá cả xăng dầu, chi phí sản xuất, sinh hoạt, vận tải tăng, tiềm ẩn rủi ro, thách thức tác động đến ổn định và phục hồi kinh tế, các cân đối lớn, sản xuất, kinh doanh, đầu tư xây dựng và đời sống người dân, nhất là người nghèo, thu nhập thấp. UBND tỉnh Phú Yên đã tổ chức nhiều hội nghị để vừa thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ thường xuyên, vừa tập trung giải quyết những khó khăn nội tại của nền kinh tế, xử lý các vấn đề tồn đọng, kéo dài, cũng như các biện pháp bảo đảm sức khỏe nhân dân, vừa phòng chống thiên tai, dịch bệnh, phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, vừa ứng

⁽¹⁾ Số liệu về các chỉ tiêu cơ bản về phát triển kinh tế - xã hội tính đến thời điểm ngày 31/12/2022 (Nguồn: Số liệu theo Báo cáo số 239/BC-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh về tình hình Kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2022 và nhiệm vụ kế hoạch năm 2023 và Quyết định số 1681/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024).

phó với những tình huống mới, bất ngờ, phát sinh, góp phần ổn định tâm lý thị trường, nhà đầu tư, doanh nghiệp. Các sở, ngành và địa phương đã nghiêm túc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về thúc đẩy tăng trưởng, đảm bảo các cân đối lớn, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công và các nghị quyết kỳ họp thường kỳ của UBND tỉnh, chủ động tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh phục hồi và phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội. Nhờ đó, nền kinh tế của tỉnh từng bước phục hồi và có bước phát triển trên các lĩnh vực; năm 2022 có 14/17 chỉ tiêu vượt và đạt kế hoạch (*trong đó có 03 chỉ tiêu vượt Kế hoạch*); 03/17 chỉ tiêu không đạt kế hoạch, kết quả như sau:

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Thực hiện so với kế hoạch
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP)	%	7,0	7,10	Vượt KH
	<i>Trong đó: + Nông - lâm - thủy sản</i>	%	2,8	3,32	
	<i>+ Công nghiệp xây dựng</i>	%	9,5	5,99	
	<i>+ Dịch vụ</i>	%	7,9	10,9	
	<i>+ Thuế sản phẩm trừ trợ cấp</i>	%	5,2	0,36	
2	Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn	Tỷ đồng	20.200	19.087	Không đạt
3	Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa	Triệu USD	207	236	Đạt
4	Thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	6.642	5.115	Không đạt
5	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	74	74,27	Đạt
6	Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ < 5 tuổi thấp còi	%	24,3	<23,3	Đạt
7	Tỷ lệ dân số tham gia BHYT	%	92	92,95	Vượt KH
8	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí NTM	%	73	76	Vượt KH
9	Giải quyết việc làm	Lao động	25.000	25.000	Đạt

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Thực hiện so với kế hoạch
10	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	1,5-2 ⁽²⁾	0,87	Không đạt
11	Mức giảm tỷ lệ sinh	‰	0,2	0,2	Đạt
12	Tỷ lệ lao động tham gia BHXH	%	17,1	17,1	Đạt
13	Tỷ lệ che phủ rừng	%	46,5	46,5	Đạt
14	Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh <i>Trong đó: Tỷ lệ hộ dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn</i>	%	Cơ bản 100 >60	Cơ bản 100 83,4	Đạt
15	Tỷ lệ dân cư thành thị được cung cấp nước sạch	%	92	92	Đạt
16	Tỷ lệ KCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	100	Đạt
17	Tỷ lệ giao quân	%	100	100	Đạt

1.3.2. Quốc phòng, an ninh:

Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được tăng cường, giữ vững ổn định. Lực lượng vũ trang duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu từ tỉnh đến cơ sở, bảo vệ an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm và các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa quan trọng diễn ra ở địa phương. Giao quân hàng năm đạt chỉ tiêu đề ra. Xây dựng kế hoạch triển khai các bước gọi công dân nhập ngũ hàng năm chặt chẽ, đúng Luật Nghĩa vụ quân sự.

Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ chủ quyền biển, đảo và an ninh, trật tự khu vực biên giới biển của tỉnh; công tác phòng, chống thiên tai, khắc phục hậu quả bão, lụt và cứu hộ, cứu nạn trên biển; tuần tra, kiểm soát bảo đảm an ninh, trật tự khu vực biên giới biển. Tập trung đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, hướng dẫn ngư dân khai thác thủy sản đúng ngư trường, chấp hành nghiêm quy định về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU); đấu tranh, ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi sử dụng chất nổ để đánh bắt thủy sản trái phép.

⁽²⁾ Theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 và Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh về Nhiệm vụ, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2022.

Triển khai hiệu quả các đợt cao điểm đấu tranh trấn áp các loại tội phạm. Tiếp tục đấu tranh quyết liệt với các loại tội phạm liên quan đến hoạt động “tín dụng đen”. Tội phạm về trật tự xã hội giảm đáng kể so với năm 2019 (*khi chưa xảy ra dịch Covid 19*). Tập trung thực hiện hiệu lực, hiệu quả công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông. Thực hiện tốt các mặt công tác phòng cháy, chữa cháy.

2. Số lượng ĐVHC cấp huyện

2.1. Số lượng ĐVHC cấp huyện: **09** (gồm: 06 huyện, 02 thị xã, 01 thành phố).

2.2. Số lượng ĐVHC cấp huyện thuộc diện sắp xếp: **Không có**.

2.3. Số lượng ĐVHC cấp huyện thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp: **Không có**.

2.4. Số lượng ĐVHC cấp huyện thuộc diện khuyến khích sắp xếp: **Không có**.

2.5. Số lượng ĐVHC cấp huyện liền kề có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp: **Không có**.

3. Số lượng ĐVHC cấp xã

3.1. Số lượng ĐVHC cấp xã: **110** (gồm: 83 xã, 21 phường, 06 thị trấn).

3.2. Số lượng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp: **05** (gồm: xã Bình Ngọc, Phường 1, Phường 2, Phường 3 và phường 4 thành phố Tuy Hòa).

3.3. Số lượng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp: **01** xã (xã EaBia, huyện Sông Hinh).

3.4. Số lượng ĐVHC cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp: **Không có**.

3.5. Số lượng ĐVHC cấp xã liền kề có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp: **04** phường (gồm: Phường 5, Phường 6, Phường 8 và Phường 9 thành phố Tuy Hòa).

III. HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP XÃ THỰC HIỆN SẮP XẾP

1. Hiện trạng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp (01 xã, 04 phường)

1.1. Phường 1, thành phố Tuy Hòa:

1.1.1. Thuộc khu vực có yếu tố đặc thù: **Không có**.

1.1.2. Diện tích tự nhiên: **0,55** km², đạt 10,00% so với tiêu chuẩn 5,5km²

1.1.3. Quy mô dân số: **6.270** người, đạt 89,57% so với tiêu chuẩn 7.000 người

1.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: **116** người, chiếm tỷ lệ 1,85%.

1.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: **Không có**.

1.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phường 1 có địa giới hành chính giáp xã Bình Ngọc, Phường 2, Phường 3 thuộc thành phố Tuy Hòa; địa giới hành chính của Phường 1 như sau:

- Phía Đông giáp: Phường 3 thuộc thành phố Tuy Hòa;
- Phía Tây giáp: xã Bình Ngọc thuộc thành phố Tuy Hòa;
- Phía Nam giáp: xã Bình Ngọc thuộc thành phố Tuy Hòa;

- Phía Bắc giáp: Phường 2, thuộc thành phố Tuy Hòa.

1.2. Phường 2, thành phố Tuy Hòa:

1.2.1. Thuộc khu vực có yếu tố đặc thù: **Không có.**

1.2.2. Diện tích tự nhiên: **0,73** km², *đạt 13,22% so với tiêu chuẩn 5,5km².*

1.2.3. Quy mô dân số: **10.655** người, *đạt 152,21% so với tiêu chuẩn 7.000 người.*

1.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: **32** người, chiếm tỷ lệ 0,3%.

1.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: **Không có.**

1.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phường 1, Phường 8, Phường 5, Phường 3 và xã Bình Ngọc thuộc thành phố Tuy Hòa. Địa giới hành chính của Phường 2 như sau:

- Phía Đông giáp: Phường 5, Phường 3 thành, phố Tuy Hòa;
- Phía Tây giáp: xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa;
- Phía Nam giáp: Phường 1, thành phố Tuy Hòa;
- Phía Bắc giáp: Phường 8, thành phố Tuy Hòa.

1.3. Phường 3, thành phố Tuy Hòa:

1.3.1. Thuộc khu vực có yếu tố đặc thù: **Không có.**

1.3.2. Diện tích tự nhiên: **0,30** km², *đạt 5,45% so với tiêu chuẩn 5,5 km².*

1.3.3. Quy mô dân số: **6.302** người, *đạt 90,03% so với tiêu chuẩn 7.000 người.*

1.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: **64** người, chiếm tỷ lệ 1%.

1.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: **Không có.**

1.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phường 1, Phường 2, Phường 4, Phường 5 và xã Bình Ngọc thuộc thành phố Tuy Hòa. Địa giới hành chính của Phường 3 như sau:

- Phía Đông giáp: Phường 5, Phường 4 thuộc thành phố Tuy Hòa;
- Phía Tây giáp: Phường 1, thành phố Tuy Hòa;
- Phía Nam giáp: xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa;
- Phía Bắc giáp: Phường 2, thành phố Tuy Hòa.

1.4. Phường 4, thành phố Tuy Hòa:

1.4.1. Thuộc khu vực có yếu tố đặc thù: **Không có.**

1.4.2. Diện tích tự nhiên: **0,58** km², *đạt 10,54% so với tiêu chuẩn 5,5km².*

1.4.3. Quy mô dân số: **12.122** người, *đạt 173,17% so với tiêu chuẩn 7.000km².*

1.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: **24** người, chiếm tỷ lệ 0,2%.

1.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: **Không có.**

1.4.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phường 3, Phường 5, Phường 6 và xã Bình Ngọc thuộc thành phố Tuy Hòa. Địa giới hành chính của Phường 4 như sau:

- Phía Đông giáp: Phường 6, thành phố Tuy Hòa;

- Phía Tây giáp: Phường 3, thành phố Tuy Hòa;
- Phía Nam giáp: xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa;
- Phía Bắc giáp: Phường 5, thành phố Tuy Hòa.

1.5. Xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa:

1.5.1. Thuộc khu vực có yếu tố đặc thù: **Không có.**

1.5.2. Diện tích tự nhiên: **3,58 km²**, đạt 11,93% so với tiêu chuẩn 30km².

1.5.3. Quy mô dân số: **6.393** người, đạt 79,91% so với tiêu chuẩn 8.000 người.

1.5.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: **08** người chiếm tỷ lệ 0,13%.

1.5.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

1.5.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phường 1, Phường 2, Phường 3, Phường 4, Phường 6, Phường 8, phường Phú Đông, phường Phú Lâm thuộc thành phố Tuy Hòa; xã Hòa Trị và xã Hòa An thuộc huyện Phú Hòa; xã Hòa Thành thuộc thị xã Đông Hòa. Địa giới hành chính của xã:

- Phía Đông giáp: Phường 6 và phường Phú Đông, thành phố Tuy Hòa;
- Phía Tây giáp: xã Hòa An và xã Hòa Trị, huyện Phú Hòa;
- Phía Nam giáp: xã Hòa Thành, thị xã Đông Hòa và phường Phú Lâm, phường Phú Đông, thành phố Tuy Hòa;
- Phía Bắc giáp: Phường 1, Phường 2, Phường 3, Phường 4 và Phường 8 thuộc thành phố Tuy Hòa.

2. Hiện trạng ĐVHC cấp xã (01 xã) thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp: Xã Ea Bia, huyện Sông Hinh

2.1. Thuộc khu vực có yếu tố đặc thù: Xã Ea Bia là đơn vị hành chính nông thôn có yếu tố đặc thù theo quy định tại khoản 1 Điều 3a của Nghị quyết 27/2022/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. Đồng thời, xã Ea Bia thuộc xã khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 (theo Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ).

2.2. Diện tích tự nhiên: **27,46 km²**, đạt 54,9% so với tiêu chuẩn 50km².

2.3. Quy mô dân số: **3.122** người, đạt 62,4% so với tiêu chuẩn 5.000 người.

2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: **2.945** người, chiếm tỷ lệ 94,3%.

2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng:

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.
- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

2.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: thị trấn Hai Riêng, xã Ea Trol, xã Đức Bình Đông, xã Đức Bình Tây thuộc huyện Sông Hinh.

3. Hiện trạng ĐVHC cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp: Không có.

4. Hiện trạng ĐVHC cấp xã liền kề (04 phường) có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp:

4.1. Phường 5, thành phố Tuy Hòa:

4.1.1. Thuộc khu vực có yếu tố đặc thù: **Không có.**

4.1.2. Diện tích tự nhiên **1,34** km², đạt 24,32% so với tiêu chuẩn 5,5km².

4.1.3. Quy mô dân số **13.572** người, đạt 193,89% so với tiêu chuẩn 7.000 người.

4.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: **36** người, chiếm tỷ lệ 0,27%.

4.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: **Không có.**

4.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phường 2, Phường 3, Phường 4, Phường 6, Phường 7, Phường 8, Phường 9 thuộc thành phố Tuy Hòa. Địa giới hành chính của Phường 5 như sau:

- Phía Đông giáp: Phường 7, thành phố Tuy Hòa;
- Phía Tây giáp: Phường 8, Phường 2 và Phường 3 thuộc thành phố Tuy Hòa;
- Phía Nam giáp: Phường 4, Phường 6 thuộc thành phố Tuy Hòa;
- Phía Bắc giáp: Phường 9 thuộc thành phố Tuy Hòa.

4.2. Phường 6, thành phố Tuy Hòa:

4.2.1. Thuộc khu vực có yếu tố đặc thù: **Không có.**

4.2.2. Diện tích tự nhiên **1,58** km², đạt 28,73% so với tiêu chuẩn 5,5km².

4.2.3. Quy mô dân số **9.475** người, đạt 135,36% so với tiêu chuẩn 7.000 người.

4.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: **32** người, chiếm tỷ lệ 0,34%.

4.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: **Không có.**

4.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phường 4, Phường 5, Phường 7, phường Phú Đông và xã Bình Ngọc thuộc thành phố Tuy Hòa. Địa giới hành chính của Phường 6 như sau:

- Phía đông giáp: Biển Đông;
- Phía tây giáp: Phường 4, Phường 5 thuộc thành phố Tuy Hòa;
- Phía nam giáp: Phường Phú Đông và xã Bình Ngọc thuộc thành phố Tuy Hòa;
- Phía bắc giáp: Phường 7 thuộc thành phố Tuy Hòa.

4.3. Phường 8, thành phố Tuy Hòa:

4.3.1. Thuộc khu vực có yếu tố đặc thù: **Không có.**

4.3.2. Diện tích tự nhiên **1,47** km², đạt 26,67% so với tiêu chuẩn 5,5km².

4.3.3. Quy mô dân số **9.276** người, đạt 132,51% so với tiêu chuẩn 7.000 người.

4.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: **40** người chiếm tỷ lệ 0,43%.

4.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: **Không có**.

4.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phường 2, Phường 5, Phường 9 và xã Bình Ngọc thuộc thành phố Tuy Hòa, xã Hòa Trị, huyện Phú Hòa. Địa giới hành chính của Phường 8 như sau:

- Phía Đông giáp: Phường 5 thuộc thành phố Tuy Hòa;
- Phía Tây giáp: Xã Hòa Trị, huyện Phú Hòa và xã Bình Ngọc thuộc thành phố Tuy Hòa;
- Phía Nam giáp: Phường 2 thuộc thành phố Tuy Hòa;
- Phía Bắc giáp: Phường 9 thuộc thành phố Tuy Hòa.

4.4. Phường 9, thành phố Tuy Hòa:

4.4.1. Thuộc khu vực có yếu tố đặc thù: **Không có**.

4.4.2. Diện tích tự nhiên **10,61** km², đạt 192,91% so với tiêu chuẩn 5,5km².

4.4.3. Quy mô dân số **23.849** người, đạt 340,70% so với tiêu chuẩn 7.000 người.

4.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: **104** người, chiếm tỷ lệ 0,44%.

4.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: **Không có**.

4.4.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phường 5, Phường 7, Phường 8, xã Bình Kiến, xã Hòa Kiến thuộc thành phố Tuy Hòa; xã Hòa Trị thuộc huyện Phú Hòa. Địa giới hành chính của Phường 9 như sau:

- Phía Đông giáp: Giáp biển Đông;
- Phía Tây giáp: xã Hòa Trị thuộc huyện Phú Hòa;
- Phía Nam giáp: Phường 5, Phường 7, Phường 8 thuộc thành phố Tuy Hòa;
- Phía Bắc giáp: xã Bình Kiến, xã Hòa Kiến thuộc thành phố Tuy Hòa.

(Chi tiết nêu tại các Phụ lục 2-1A, 2-2A, 2-2B kèm theo)

Phần III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH PHÚ YÊN

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ THUỘC DIỆN SẮP XẾP

1. Sắp xếp ĐVHC nông thôn với ĐVHC đô thị cấp xã

Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của xã Bình Ngọc (có diện tích tự nhiên là 3,58 km², đạt 11,93% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 6.393 người, đạt 79,91% so với tiêu chuẩn) với Phường 1 (có diện tích tự nhiên là 0,55 km², đạt 10,00% so với

tiêu chuẩn; quy mô dân số là 6.270 người, đạt 89,57% so với tiêu chuẩn).

1.1. Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định: “*Đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn*” thì xã Bình Ngọc và phường 1 thuộc diện sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025.

- Căn cứ khoản 3 Điều 4 Nghị quyết 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định: “*Đơn vị hành chính đô thị dự kiến hình thành sau sắp xếp phải đáp ứng tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội, loại đô thị đối với thành phố, thị xã, thị trấn hoặc trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị đối với quận, phường theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính*”.

- Xã Bình Ngọc có kinh tế phát triển, cơ cấu kinh tế thương mại dịch vụ chiếm ưu thế, dân cư phát triển theo hướng đô thị. Xã đã được quy hoạch phát triển thành phường trong giai đoạn 2020 - 2025; tuy nhiên, xã Bình Ngọc có diện tích tự nhiên (3,58 km²) chưa đảm bảo tiêu chuẩn của phường thuộc thành phố (5,5 km²) quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; khi nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Bình Ngọc với Phường 1 thành 01 đơn vị hành chính đô thị cùng cấp, phải đạt tiêu chuẩn về loại đô thị hoặc tiêu chuẩn về hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị (đối với quận, phường) quy định đối với đơn vị hành chính đô thị tương ứng. Hiện nay thành phố Tuy Hòa đã trình cấp thẩm quyền xem xét, đề phê duyệt các quy hoạch và đề án đánh giá trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị đối với phường.

- Theo Đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Tuy Hòa và vùng phụ cận, đến năm 2025 được UBND tỉnh phê duyệt (tại Quyết định số 1284/QĐ-UBND ngày 20/7/2007) thì xã Bình Ngọc được dự kiến trở thành phường nội thành của thành phố Tuy Hòa. Đồng thời, hiện nay, Sở Xây dựng đang tổ chức lập Đề án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Tuy Hòa và khu vực phụ cận, tỉnh Phú Yên đến năm 2040; về tiến độ thực hiện: đã tổ chức thông qua Hội đồng thẩm định Đề án quy hoạch, lấy ý kiến của Bộ Xây dựng và đã thông qua Hội đồng nhân dân thành phố Tuy Hòa vào ngày 25/12/2023 (theo Nghị quyết số 93/NQ-HĐND của HĐND thành phố Tuy Hòa) trước khi trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt Đề án; trong đó, theo định hướng của phương án quy hoạch chung thì xã Bình Ngọc cũng sẽ được đầu tư nâng cấp đạt các tiêu chuẩn của phường thuộc thành phố đảm bảo các tiêu chí quy hoạch theo quy định của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị và được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022. Như vậy, phương án nhập xã Bình Ngọc với Phường 1 là phù hợp với định hướng quy hoạch khu vực nội thành của Đề án quy hoạch chung đô thị được duyệt và phù hợp với Đề án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Tuy Hòa và khu vực phụ cận, tỉnh Phú Yên đến năm 2040 đang được tổ chức lập.

- Thực hiện Kế hoạch số 58-KH/TU ngày 11/4/2018 của Tỉnh ủy Phú Yên về

thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đầu năm 2023 UBND thành phố Tuy Hòa đã thực hiện sáp nhập các trường mầm non công lập của xã Bình Ngọc và của Phường 1 để thành lập một trường mầm non công lập giảng dạy cho trẻ em của xã Bình Ngọc và Phường 1.

- Trên địa bàn Phường 1 có di tích kiến trúc nghệ thuật Tháp Nhạn đã được Thủ tướng Chính phủ xếp hạng tại Quyết định số 1820/QĐ-TTg ngày 24/12/2018; Tháp Nhạn là một địa điểm du lịch tâm linh, sở hữu nét kiến trúc độc đáo và cũng là nơi diễn ra nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ đặc sắc; sự lan tỏa của di tích này không những tác động đến dân cư Phường 1 mà còn có ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống tinh thần, vật chất của người dân xã Bình Ngọc vì phần lớn dân cư của xã đều nằm quanh khu vực của di tích do đó, việc sáp nhập xã Bình Ngọc với Phường 1 cũng cần thiết và phù hợp về mặt lịch sử, kinh tế, xã hội.

- Từ những lý do đó, việc sáp nhập xã Bình Ngọc với Phường 1 thành 01 ĐVHC đô thị cấp xã mới với quy mô, diện tích, dân số vừa phải, các cụm dân cư gần khu trung tâm sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân trong việc đi lại, sinh hoạt, liên hệ với chính quyền để giải quyết công việc, phù hợp với nguyện vọng chính đáng của nhân dân, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho chính quyền cơ sở trong công tác quản lý Nhà nước trên địa bàn, phù hợp với điều kiện, năng lực quản lý của cán bộ cấp cơ sở.

1.2. Kết quả sau sắp xếp xã Bình Ngọc với Phường 1 thì ĐVHC đô thị cấp xã hình thành sau sắp xếp có:

- Diện tích tự nhiên: **4,13 km²** (**đạt 75,09%** so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số **12.663 người** (**đạt 180,90%** so với tiêu chuẩn).

- Tên gọi: **Phường 1**.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Đặt tại trụ sở làm việc cũ của UBND Phường 1, thành phố Tuy Hòa.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phường 2 (mới), Phường 5 (mới), Phường 4 (mới), phường Phú Đông, phường Phú Lâm thuộc thành phố Tuy Hòa; xã Hòa Thành thuộc thị xã Đông Hòa; xã Hòa An, xã Hòa Trị thuộc huyện Phú Hòa. Địa giới hành chính của Phường 1 như sau:

+ Phía Đông giáp Phường Phú Đông, Phường 4 (mới), tỉnh Phú Yên;

+ Phía Tây giáp xã Hòa An, xã Hòa Trị thuộc huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên;

+ Phía Nam giáp phường Phú Đông, phường Phú Lâm thuộc thành phố Tuy Hòa; xã Hòa Thành thuộc thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên;

+ Phía Bắc giáp Phường 2 (mới), Phường 5 (mới), Phường 4 (mới) thuộc thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đánh giá sơ bộ các tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội, trình độ phát triển cơ sở hạ tầng của Phường mới hình thành sau sắp xếp:

+ Về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội của phường mới sau sáp nhập đảm bảo quy định tại phụ lục kèm theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Thu chi ngân sách luôn đảm bảo cân đối; tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 3 năm 2020 - 2022 của phường mới (*Phường 1: 0,5%, xã Bình Ngọc: 0,85%*) thấp hơn bình quân của thành phố (*1,08%*) và tỷ lệ lao động phi nông nghiệp của phường mới chiếm khoảng 89,46% (*Phường 1: 97,8%, xã Bình Ngọc: 83,67%*). Đánh giá: Đạt.

+ Về hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị của phường mới sau sáp nhập đảm bảo 12/13 tiêu chuẩn quy định tại Biểu 2A, Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chi tiết cụ thể như sau:

(1) Trạm y tế (*theo quy định của Bộ Y tế: 01 công trình*): Phường mới sau sáp nhập sẽ có 02 trạm y tế đạt chuẩn Quốc gia về y tế từ nhiều năm nay; đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân trên địa bàn. Đánh giá: Đạt.

(2) Cơ sở hạ tầng thương mại (*quy định: 02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng*): Phường mới sau sáp nhập sẽ có 01 chợ (chợ Xéo) và rất nhiều siêu thị, trung tâm mua bán như: trung tâm điện máy Chợ Lớn, điện máy Xanh, thế giới di động,.... Đánh giá: Đạt.

(3) Cơ sở giáo dục (*quy định: 100% công trình giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo*): Trên địa bàn phường mới sẽ có 05 trường học, trong đó chỉ có 01 trường có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia. Đánh giá: Chưa đạt.

(4) Đất công trình giáo dục (*trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở*) bình quân đầu người ($\geq 1,8 \text{ m}^2/\text{người}$): Phường mới sẽ có 05 trường học (*từ mầm non đến tiểu học và trung học cơ sở*), với tổng diện tích đất công trình giáo dục là 19.146,9 m^2 ; bình quân đầu người $19.146,9 \text{ m}^2/12.663 \text{ người} = 1,92 \text{ m}^2/\text{người}$. Đánh giá: Đạt.

(5) Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (*sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao, có bình quân đầu người quy định $\geq 1,0 \text{ m}^2/\text{người}$*): Trên địa bàn phường mới sẽ có các công trình văn hóa, thể dục, thể thao như Trung tâm văn hoá tỉnh Phú Yên, Nhà trưng bày triển lãm Thành phố, nhà văn hóa Phường 1, nhà văn hóa xã Bình Ngọc, nhà tập thể hình Rino, nhà tập thể dục thẩm mỹ, khu thể thao xã Bình Ngọc,.... Tổng diện tích đất dành cho công trình văn hóa, thể dục, thể thao trên địa bàn phường mới là 13.296 m^2 ; diện tích bình quân đầu người $13.296 \text{ m}^2/12.663 \text{ người} = 1,05 \text{ m}^2/\text{người}$. Đánh giá: Đạt.

(6) Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người (*quy định $\geq 750 \text{ kwh}/\text{người}/\text{năm}$*): Hệ thống lưới điện quốc gia đã phủ kín toàn địa bàn. Hệ thống các trạm cấp điện cùng với hệ thống đường dây cao thế, trung thế, hạ thế đã cơ bản đảm bảo điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt của người dân. Sản lượng điện tiêu thụ cũng ngày một tăng. Số hộ dân sử dụng điện lưới quốc gia trên địa bàn đạt tỷ lệ 100%, điện năng tiêu thụ đạt trên 1.300 Kwh/người/năm. Đánh giá: Đạt.

(7) Đất giao thông (*tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông, bình quân đầu người quy định $\geq 8 \text{ m}^2/\text{người}$*): Diện tích đất

giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ bình quân đầu người của phường mới là 12,24 m²/người. Đánh giá: Đạt.

(8) Tỷ lệ đường được chiếu sáng (*tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ theo quy định $\geq 95\%$*): đạt trên 95,56%. Đánh giá: Đạt.

(9) Đất cây xanh sử dụng công cộng (*đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở*) bình quân đầu người theo quy định ≥ 2 m²/người): Trên địa bàn phường mới có công viên Nguyễn Tất Thành, công viên Diên Hồng, tiểu công viên phía Nam núi Nhạn, vườn cây Tân Đà,.. Diện tích cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người là 32.041 m²/12.663 người = 2,53 m²/người. Đánh giá: Đạt.

(10) Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh (*quy định $\geq 95\%$*). Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung, hợp vệ sinh trên địa bàn phường mới là 99,73% (*Phường 1: 100%, xã Bình Ngọc: 99,42%*). Đánh giá: Đạt.

(11) Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả (*quy định Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên đối với vùng Duyên hải Nam Trung Bộ $\geq 40\%$*).

Ngoài hệ thống xử lý nước thải được đầu tư và kết nối vào Nhà máy xử lý nước thải chung của Thành phố; nước thải của các hộ gia đình trên địa bàn còn được xử lý cục bộ thông qua hệ thống bể tự hoại, không gây ô nhiễm môi trường. Tổng số hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả thông qua bể tự hoại đạt gần 48%. Đánh giá: Đạt.

(12) Mật độ đường công thoát nước chính (*quy định $\geq 3,5$ km/km²*): Hệ thống thoát nước đã được đầu tư một số đoạn trên các trục đường chính như Nguyễn Tất Thành, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Lê Trung Kiên, Tân Đà, Phan Đình Phùng,.. tổng chiều dài 12,96 km, với mật độ đường công thoát nước chính đạt trên 4,70 km/km². Đánh giá: Đạt.

(13) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom (*quy định $\geq 80\%$*): Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom trên địa bàn đạt 87,5%. Đánh giá: Đạt.

Bên cạnh đó, việc nhập xã Bình Ngọc với Phường 1 sẽ làm mở rộng phạm vi nội thành của thành phố Tuy Hòa, vì vậy ngoài việc đánh giá các tiêu chuẩn đối với phường mới hình thành sau sắp xếp theo ý kiến của Bộ Xây dựng (*tại Văn bản số 5601/BXD-PTĐT ngày 19/11/2020 trả lời Tờ trình số 110/TTr-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh Phú Yên về việc rà soát, đánh giá tiêu chí đô thị loại II đối với thành phố Tuy Hòa và đánh giá tiêu chuẩn về độ phát triển cơ sở hạ tầng đối với khu vực dự kiến thành lập phường, trong đó có xã Bình Ngọc*); UBND tỉnh đã chỉ đạo UBND thành phố tiếp tục rà soát, đánh giá tiêu chuẩn phân loại đô thị đối với thành phố Tuy Hòa theo quy định của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị (*sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022*).

Như vậy, ĐVHC đô thị cấp xã được hình thành sau sắp xếp đảm bảo các tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định, đang trình

cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Sắp xếp ĐVHC cấp xã thành ĐVHC đô thị cùng cấp

2.1. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của Phường 2 (có diện tích tự nhiên là 0,72 km², đạt 13,09% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 10.655 người, đạt 152,21% so với tiêu chuẩn) với Phường 8 (có diện tích tự nhiên là 1,47 km², đạt 26,67% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 9.276 người, đạt 132,51% so với tiêu chuẩn); kết hợp điều chỉnh nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số khu phố Phước Hậu 3 thuộc Phường 9 (có diện tích tự nhiên là 0,089 km²; quy mô dân số là 2.322 người) vào phường 8 để thành lập phường mới.

2.1.1 Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định: “Đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn, giai đoạn 2023 - 2025” thì Phường 2 thuộc diện sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025.

- Phường 8 được thành lập năm 1999, trên cơ sở chia tách Phường 2 thành Phường 2 và Phường 8. Sau khi thành lập, Phường 8 có vị trí địa lý tương đối thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, đồng thời là khu vực thuộc quy hoạch tổng thể phát triển đô thị, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ của thành phố Tuy Hòa theo định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phường 2 hiện nay đang có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ Nông nghiệp sang Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp - Thương mại, dịch vụ - Nông nghiệp. Do đó việc nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Phường 2 với Phường 8 là phù hợp với lịch sử và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Khu phố Phước Hậu 3 thuộc Phường 9 nhưng mọi hoạt động sản xuất, sinh hoạt đời sống luôn gắn liền với Phường 8 vì phần lớn người dân khu phố Phước Hậu 3 có nguồn gốc từ Phường 8 và một bộ phận dân cư vẫn do Phường 8 quản lý. Vì vậy việc quản lý khu vực dân cư này khá phức tạp, vừa chòng chéo vừa bất cập. Ngoài ra, Phường 9 còn là địa phương có quy mô diện tích lớn (10,61 km², đạt 192,91% so với tiêu chuẩn), dân cư đông (24.000 người, đạt trên 340% so với tiêu chuẩn) và dự báo sẽ tiếp tục tăng nhanh trong thời gian tới do sự phát triển các nhà máy, xí nghiệp,... Do đó, để tạo thuận lợi cho người dân trong sinh hoạt, thuận lợi cho công tác quản lý hành chính và đảm bảo nguồn lực phát triển giữa các đơn vị hành chính thì việc điều chỉnh khu phố Phước Hậu 3 (Phường 9) vào Phường 8 kết hợp nhập với Phường 2 thành lập phường mới là hết sức cần thiết, đáp ứng được nguyện vọng của Nhân dân trên địa bàn. Sau khi điều chỉnh nhập khu phố Phước Hậu 3, Phường 9 vào Phường 8 và điều chỉnh nhập khu phố Ninh Tịnh 1, Phường 9 vào Phường 5 thì Phường 9 có diện tích tự nhiên là 10,46 km² (đạt 190,29% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là 19.778 người (đạt 282,54% so với tiêu chuẩn).

- Việc nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Phường 2 với Phường 8 kết hợp với điều chỉnh nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số khu phố Phước Hậu 3 thuộc Phường 9 thành lập phường mới giải quyết được những vấn đề bất cập về địa giới hành chính, thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước của địa phương, tạo nguồn lực phát triển giữa các phường, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân và các phường sớm ổn

định để phát triển.

2.1.2. Kết quả sau khi sắp xếp nhập Phường 2 với Phường 8 kết hợp với điều chỉnh nhập khu phố Phước Hậu 3 (Phường 9) vào Phường 8 để thành lập phường mới thì ĐVHC đô thị cấp xã hình thành sau sắp xếp có:

- Diện tích tự nhiên: **2,27 km²** (**đạt 41,27%** so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: **22.253 người** (**đạt 317,90%** so với tiêu chuẩn).
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phường 1 (mới), Phường 5 (mới), Phường 9 thuộc thành phố Tuy Hòa và xã Hòa Trị, huyện Phú Hòa. Địa giới hành chính của Phường 2 như sau:
 - + Phía Đông giáp: Phường 5 (mới), thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên;
 - + Phía Tây giáp: Phường 1 (mới), thành phố Tuy Hòa và xã Hòa Trị, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên;
 - + Phía Nam giáp: Phường 1 (mới), thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên;
 - + Phía Bắc giáp: Phường 9, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.
- Tên gọi: **Phường 2**.
- Nơi đặt trụ sở làm việc: Đặt tại trụ sở làm việc cũ của UBND Phường 8, thành phố Tuy Hòa.

- ĐVHC đô thị cấp xã được hình thành sau sắp xếp đảm bảo các tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội và hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định.

2.2. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của Phường 3 (có diện tích tự nhiên là 0,30 km², đạt 5,45% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 6.302 người, đạt 90,03% so với tiêu chuẩn) với Phường 5 (có diện tích tự nhiên là 1,34 km², đạt 24,18% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 13.572 người, đạt 193,89% so với tiêu chuẩn); kết hợp với điều chỉnh nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số khu phố Ninh Tịnh 1 thuộc Phường 9 (có diện tích tự nhiên là 0,055 km²; quy mô dân số là 1.749 người) vào Phường 5 để thành lập phường mới.

2.2.1. Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: “Đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn, giai đoạn 2023 - 2025” thì Phường 3 thuộc diện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

- Khu phố Ninh Tịnh 1 (Phường 9) nằm trong quần thể khu vực Hồ điều hòa Hồ Sơn và công viên Thanh Niên do Phường 5 quản lý; về địa giới hành chính khu phố Ninh Tịnh 1 là một dải đất (rộng khoảng 0,055 km²) kéo sâu xuống Phường 5 và chia đôi phía Bắc Phường 5, ranh giới khu phố được bao bọc bởi Phường 5 theo cả 3 hướng (Đông, Tây, Nam); các hoạt động sinh hoạt văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng và đời sống dân cư luôn gắn kết với Phường 5, đặc biệt trên địa bàn khu phố Ninh Tịnh 1 còn có chùa Hồ Sơn, nơi sinh hoạt tôn giáo chung của những người dân trên

địa bàn Phường 5 cũng như khu phố Ninh Tịnh 1. Do đó, việc điều chỉnh khu phố Ninh Tịnh 1 (Phường 9) vào Phường 5 không những thuận lợi cho công tác quản lý của chính quyền hai phường mà còn đáp ứng được nguyện vọng của người dân, giải quyết được vấn đề bất hợp lý về địa giới hành chính tồn tại nhiều năm qua.

- Diện tích tự nhiên của Phường 9 (*phường liền kề với Phường 5*) tương đối rộng (có diện tích 10,61 km², đạt 192,91% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số đông (*khoảng gần 24.000 người, đạt trên 340% so với tiêu chuẩn*). Những năm gần đây, Phường 9 có tình trạng tăng dân số cơ học rất nhanh do dân nhập cư từ các nơi khác về làm ăn, buôn bán và làm công nhân trong các nhà máy, xí nghiệp, số dân nhập cư này có khả năng sinh sống, làm việc ổn định, lâu dài. Trong đó, đa phần dân cư của khu phố Ninh Tịnh 1, Phường 9 làm nghề mua bán, cung cấp dịch vụ sinh hoạt trên địa bàn Phường 5. Sau khi điều chỉnh nhập khu phố Phước Hậu 3, Phường 9 vào Phường 8 và điều chỉnh nhập khu phố Ninh Tịnh 1, Phường 9 vào Phường 5 thì Phường 9 có diện tích tự nhiên là **10,46 km²** (*đạt 190,29% so với tiêu chuẩn*) và quy mô dân số là **19.778 người** (*đạt 282,54% so với tiêu chuẩn*).

- Qua rà soát các ĐVHC cùng cấp liền kề với Phường 3 (*gồm Phường 1, Phường 4, Phường 5*) và các ĐVHC liền kề với Phường 5 (*gồm Phường 2, Phường 3, Phường 4, Phường 6, Phường 7, Phường 8, Phường 9*) thì việc nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Phường 3 với Phường 5; kết hợp với điều chỉnh nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của khu phố Ninh Tịnh 1, Phường 9 vào Phường 5 để thành lập phường mới là phù hợp với đặc điểm tình hình của địa phương giải quyết được bất cập về đường ranh giới giữa các phường, tạo sự ổn định và thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước ở địa phương.

2.2.2. Kết quả sau khi sắp xếp nhập Phường 3 với Phường 5 và kết hợp với điều chỉnh nhập khu phố Ninh Tịnh 1, Phường 9 vào Phường 5 thì ĐVHC đô thị cấp xã hình thành sau sắp xếp có:

- Diện tích tự nhiên: **1,69 km²** (*đạt 30,72% so với tiêu chuẩn*).
- Quy mô dân số: **21.623 người** (*đạt 308,90% so với tiêu chuẩn*).
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phường 1 (mới), Phường 2 (mới), Phường 4 (mới), Phường 7 và Phường 9 thuộc thành phố Tuy Hòa. Địa giới hành chính Phường 5 như sau:
 - + Phía Đông giáp: Phường 7, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên;
 - + Phía Tây giáp: Phường 1 (mới), Phường 2 (mới) thuộc thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên;
 - + Phía Nam giáp: Phường 4 (mới), Phường 1 (mới) thuộc thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên;
 - + Phía Bắc giáp: Phường 9 thuộc thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.
- Tên gọi: **Phường 5**.
- Nơi đặt trụ sở làm việc: Đặt tại trụ sở làm việc cũ của UBND Phường 5, thành phố Tuy Hòa.

- ĐVHC đô thị cấp xã được hình thành sau sắp xếp đảm bảo các tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội và hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định.

2.3. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của Phường 4 (có diện tích tự nhiên là 0,58 km², đạt 10,54% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 12.122 người, đạt 173,17% so với tiêu chuẩn) với Phường 6 (có diện tích tự nhiên là 1,58 km², đạt 28,74% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 9.475 người, đạt 135,36% so với tiêu chuẩn).

2.3.1. Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: “Đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn, giai đoạn 2023 - 2025” thì Phường 4 thuộc diện sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025.

- Thực hiện Kế hoạch số 58-KH/TU ngày 11/4/2018 của Tỉnh ủy Phú Yên về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, từ năm 2021 UBND thành phố Tuy Hòa đã thực hiện sáp nhập các trường tiểu học, trung học cơ sở của Phường 6 và của Phường 4 để thành lập một trường tiểu học và một trường trung học cơ sở giảng dạy cho học sinh của cả 02 phường này.

- Qua rà soát các ĐVHC cùng cấp liền kề với Phường 4 (gồm Phường 3, Phường 5, Phường 6) thì việc nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Phường 4 với Phường 6 là phù hợp nhất.

2.3.2. Kết quả sau khi sắp xếp nhập Phường 4 với Phường 6 thì ĐVHC đô thị cấp xã hình thành sau sắp xếp có:

- Diện tích tự nhiên: **2,16 km²** (đạt **39,27%** so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: **21.597 người** (đạt **308,53%** so với tiêu chuẩn)
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phường 1 (mới), Phường 5 (mới), Phường 7, phường Phú Đông thuộc thành phố Tuy Hòa. Địa giới hành chính Phường 4 như sau:
 - + Phía Đông giáp: biển Đông;
 - + Phía Tây giáp: Phường 5 (mới) thuộc thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên;
 - + Phía Nam giáp: Phường 1 (mới) và phường Phú Đông thuộc thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên;
 - + Phía Bắc giáp: Phường 7 và Phường 5 (mới) thuộc thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.
- Tên gọi: **Phường 4.**
- Nơi đặt trụ sở làm việc: Đặt tại trụ sở làm việc cũ của UBND Phường 4, thành phố Tuy Hòa.
- ĐVHC đô thị cấp xã được hình thành sau sắp xếp đảm bảo các tiêu chuẩn

về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội và hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định.

3. Đơn vị hành chính sau khi điều chỉnh địa giới hành chính

Sau khi điều chỉnh khu phố Phước Hậu 3 Phường 9 vào Phường 8 để sáp nhập với Phường 2 thành lập phường mới và điều chỉnh khu phố Ninh Tịnh 1 Phường 9 vào Phường 5 để sáp nhập với Phường 3 thành lập phường mới thì Phường 9 có diện tích tự nhiên là **10,46 km²** (**đạt 190,29%** so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **19.778 người** (**đạt 282,54%** so với tiêu chuẩn).

Kết quả sau khi sắp xếp thì ĐVHC đô thị cấp xã hình thành sau sắp xếp có:

- Diện tích tự nhiên: **10,46 km²** (**đạt 190,29%** so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: **19.778 người** (**đạt 282,54%** so với tiêu chuẩn).
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phường 5 (mới), Phường 7, Phường 2 (mới), xã Bình Kiến, xã Hòa Kiến thuộc thành phố Tuy Hòa và xã Hòa Trị thuộc huyện Phú Hòa. Địa giới hành chính Phường 9 như sau:

- + Phía Đông giáp: biển Đông;
- + Phía Tây giáp: xã Hòa Trị thuộc huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên;
- + Phía Nam giáp: Phường 2 (mới), Phường 5 (mới) và Phường 7 thuộc thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên;
- + Phía Bắc giáp: xã Bình Kiến và xã Hòa Kiến thuộc thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Nơi đặt trụ sở làm việc: Đặt tại trụ sở làm việc cũ của UBND Phường 9, thành phố Tuy Hòa.

- Tên gọi: Tên gọi không thay đổi là Phường 9.

- ĐVHC đô thị cấp xã được hình thành sau điều chỉnh đảm bảo các tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội và hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định.

II. LÝ DO ĐVHC CẤP XÃ THUỘC DIỆN SẮP XẾP TRONG GIAI ĐOẠN 2023 - 2025 NHƯNG ĐỊA PHƯƠNG ĐỀ NGHỊ KHÔNG THỰC HIỆN SẮP XẾP

Xã Ea Bia, huyện Sông Hinh có diện tích tự nhiên **27,46 km²** (**đạt 54,9%** so với tiêu chuẩn); có quy mô dân số **3.122 người** (**đạt 62,44%** so với tiêu chuẩn). Theo điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: “Đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% tiêu chuẩn giai đoạn 2023 - 2025” thì xã Ea Bia thuộc diện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

Tuy nhiên, xã Ea Bia, huyện Sông Hinh là xã có nhiều yếu tố đặc thù đề nghị không thực hiện sắp xếp với lý do như sau:

1. Xã Ea Bia thuộc các xã khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 (theo Quyết định 861/QĐ-UBND ngày 04/6/2021 của Thủ

tướng Chính phủ). Căn cứ theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc “*Phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025*”, có Buôn Nhum thuộc xã Ea Bia là thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Vì vậy xã Ea Bia và Buôn Nhum xã Ea Bia, huyện Sông Hinh thuộc đối tượng được hưởng các chính sách đặc thù của chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (*theo điểm 2, mục II Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ*).

Ngoài ra, xã Ea Bia còn đang thụ hưởng các chính sách của Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững theo Quyết định số 90/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ “*Phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025*” và Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ “*Phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025*”.

2. Xã Ea Bia có diện tích tự nhiên 27,46 km², đạt 54,9% tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên theo quy định đối với xã miền núi; là xã miền núi có địa hình phức tạp, vùng đồi núi và sông suối đan xen.

3. Xã Ea Bia có dân số 3.122 người, đạt 312,20% tiêu chuẩn về quy mô dân số theo quy định đối với xã miền núi (xã có 94,3% đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định tại khoản 1 Điều 3a Nghị quyết 27/2022/UBNTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “*Đơn vị hành chính nông thôn có 30% dân số là người dân tộc thiểu số ở miền núi, vùng cao hoặc có đường biên giới quốc gia thì mức tối thiểu của tiêu chuẩn của quy mô dân số bằng 50% mức quy định đối với đơn vị hành chính nông thôn tương ứng; cứ thêm 10% dân số là người dân tộc thiểu số thì được giảm thêm 5% tối thiểu phải đạt 20% mức quy định đối với đơn vị hành chính nông thôn tương ứng*”). Cụ thể tiêu chuẩn về quy mô dân số của xã Ea Bia được xác định như sau:

(1) Được giảm **50%** so với tiêu chuẩn quy mô dân số vì Ea Bia là xã miền núi có 30% dân số là người dân tộc thiểu số;

(2) Được tiếp tục giảm thêm **30%** ($= (90-30)/10 \cdot 5\%$) so với tiêu chuẩn quy mô dân số vì có thêm 60% dân số là người dân tộc thiểu số.

Như vậy, tiêu chuẩn quy mô dân số của xã Ea Bia được giảm **80%** so với tiêu chuẩn quy mô dân số của ĐVHC nông thôn cấp xã tương ứng. Theo đó, tiêu chuẩn quy mô dân số của xã Ea Bia = $(100\% - 80\%) \cdot 5.000$ người (*tiêu chuẩn dân số của xã miền núi*) = **1.000 người**.

4. Mặc khác, xã Ea Bia được thành lập từ năm 1946, có 06 buôn, là xã thuần nông với 05 dân tộc anh em cùng sinh sống: Ê Đê chiếm 83,6%; Kinh 5,7%; Dao 5,5%; Tày và Ba Na 5,2%. Đồng bào dân tộc ở đây chủ yếu là người Ê Đê, là cư dân thuộc ngữ hệ Nam Đảo, có mặt ở vùng đất phía Tây tỉnh Phú Yên khá sớm, được ghi chép trong bia ký Chăm. Người Ê Đê Phú Yên nói chung và xã Ea Bia nói riêng thuộc

nhóm Ê Đê M'Dhour, có quan hệ mật thiết với người Gia Rai thuộc tỉnh Phú Yên về dòng họ, hôn nhân và phong tục tập quán. Nhân dân trên địa bàn xã theo tín ngưỡng của 03 tổ chức tín lành được công nhận gồm: Hội thánh trưởng lão Việt Nam; Hội thánh Báp tít (Ân điển-Nam phương) và Hội thánh Tin lành Việt Nam-Miền Nam; Đồng thời, có một bộ phận nhân dân của xã đang theo 01 hệ phái truyền giảng phúc âm chưa được nhà nước công nhận.

Năm 1946 thực hiện việc tổ chức lại các cấp hành chính, chính quyền cách mạng bỏ cấp tổng đồng thời sáp nhập một số xã thôn. Thôn Nhiều Giang nhập với làng Thạnh Hội thành xã Hội Giang, từ năm 1949 thuộc xã Sơn Hà. Năm 1946, lập xã Bình Đán gồm hai thôn Tuy Bình và Chí Thán; năm 1949 hai thôn Tuy Bình và Chí Thán thuộc xã Sơn Bình, còn các buôn làng thuộc tổng Y Hô trước đây được chia thành các xã **Ea Bia**, Ea Trol, Ea Bá, Ea Bar và xã Ea M'Đoan thuộc huyện M'Drăk (tỉnh Đắk Lắk).

Năm 1970, khu ủy V cắt xã Ea Bá, Ea Trol, **Ea Bia** thuộc huyện M'Drăk, thuộc tỉnh Đắk Lắk giao cho tỉnh Phú Yên quản lý. Trên cơ sở các xã mới sáp nhập cùng hai xã bờ Nam sông Ba là Đức Bình và Hoàn Nhọn (xã Sông Hình) thành lập huyện mới Tây Nam. Như vậy đến tháng 4-1975 huyện Tây Nam (nay là huyện Sông Hình) gồm các xã: Đức Bình, Hòn Nhọn, Ea Trol, **Ea Bia** và Ea Bá, thôn Nhiều Giang thuộc xã Sơn Hà, huyện Sơn Hòa. Tháng 6 năm 1975 huyện Tây Nam sáp nhập vào huyện Sơn Hòa. Ngày 27/12/1983, Hội đồng Bộ trưởng ký Quyết định số 179/HĐBT chia huyện Tây Sơn thành 02 huyện lấy tên huyện Sơn Hòa và huyện Sông Hình. Huyện Sông Hình gồm các xã bờ Nam sông Ba (các xã Đức Bình, Ea Bá, Ea Trol, **Ea Bia**, Sông Hình và xã Sơn Giang thành lập theo Quyết định số 79/HĐBT ngày 19/7/1983 của Hội đồng Bộ trưởng). Ngày 25/02/1985 công bố thành lập huyện Sông Hình.

Ngày 27/3/1989, Hội đồng Bộ trưởng ký Quyết định số 34/HĐBT tách một phần diện tích tự nhiên và nhân khẩu của xã **Ea Bia** để thành lập thị trấn Hai Riêng. **Từ các yếu tố trên có thể khẳng định xã Ea Bia, huyện Sông Hình được thành lập từ trước năm 1946** (nguồn từ lịch sử Đảng bộ huyện Sông Hình giai đoạn 1945-1975).

Đối chiếu với tiêu chuẩn của ĐVHC nông thôn cấp xã có yếu tố đặc thù theo quy định tại khoản 1 Điều 3a Nghị quyết 27/2022/UBNTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì xã Ea Bia, huyện Sông Hình có diện tích tự nhiên là **27,46km² (đạt 54,9% so với tiêu chuẩn)**; có quy mô dân số **3.122 người (đạt 312,2% so với tiêu chuẩn)**, không thuộc diện sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025.

Do đó, UBND tỉnh Phú Yên đề nghị không thực hiện sắp xếp đối với xã Ea Bia thuộc huyện Sông Hình để giữ vững ổn định về an ninh, trật tự và truyền thống lịch sử, văn hóa của người đồng bào dân tộc Ê Đê của xã Ea Bia nói riêng và của huyện Sông Hình nói chung.

III. GIẢI TRÌNH TRƯỜNG HỢP ĐVHC CẤP XÃ DỰ KIẾN HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP KHÔNG ĐẠT TIÊU CHUẨN DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN, QUY MÔ DÂN SỐ THEO QUÝ ĐỊNH

Qua rà soát, cân nhắc kỹ các yếu tố về diện tích tự nhiên, quy mô dân số, vị trí địa lý, cộng đồng dân cư và đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội của các xã, phường thuộc thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên có 01 xã và 04 phường thuộc thành phố Tuy Hòa thuộc diện sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025, cụ thể như sau:

1. Kết quả sau khi nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Bình Ngọc với Phường 1 thì ĐVHC đô thị hình thành sau sắp xếp, có diện tích tự nhiên: **4,12 km²** (**đạt 74,91%** so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số **12.663 người** (**đạt 180,90%** so với tiêu chuẩn).

2. Kết quả sau khi nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của Phường 2 với Phường 8 và kết hợp điều chỉnh khu phố Phước Hậu 3, Phường 9 vào Phường 8 thì ĐVHC đô thị hình thành sau sắp xếp có diện tích tự nhiên: **2,27 km²** (**đạt 41,27%** so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số: **22.253 người** (**đạt 317,90%** so với tiêu chuẩn).

3. Kết quả sau khi nhập Phường 3 với Phường 5 và kết hợp điều chỉnh khu phố Ninh Tĩnh 1, Phường 9 vào Phường 5 thì ĐVHC đô thị cấp xã hình thành sau sắp xếp có diện tích tự nhiên: **1,69 km²** (**đạt 30,72%** so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số: **21.623 người** (**đạt 308,90%** so với tiêu chuẩn).

4. Kết quả sau khi nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của Phường 4 với Phường 6 thì ĐVHC đô thị hình thành sau sắp xếp có diện tích tự nhiên: **2,16 km²** (**đạt 39,27%** so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số: **21.597 người** (**đạt 308,53%** so với tiêu chuẩn).

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, có quy định:

“Đối với ĐVHC cấp xã đã thực hiện sắp xếp với đơn vị hành chính liền kề nhưng do có các yếu tố đặc thù về văn hóa, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán, cộng đồng dân cư, điều kiện địa lý tự nhiên nên không thể nhập, điều chỉnh thêm với đơn vị hành chính cùng cấp khác dẫn đến đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp không đạt đủ tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định thì ĐVHC đô thị cấp xã hình thành sau sắp xếp phải đạt một trong các điều kiện, như sau:

- Đơn vị hành chính cấp xã có diện tích tự nhiên hoặc quy mô dân số đạt từ 100% trở lên tiêu chuẩn của đơn vị hành chính tương ứng, tiêu chuẩn còn lại phải đạt từ 70% trở lên tiêu chuẩn của đơn vị hành chính tương ứng quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

- Đơn vị hành chính cấp xã có diện tích tự nhiên đạt từ 30% trở lên tiêu chuẩn của đơn vị hành chính tương ứng và quy mô dân số đạt từ 300% trở lên tiêu chuẩn của đơn vị hành chính tương ứng quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.”

Như vậy, cả **04** ĐVHC đô thị hình thành sau sắp xếp nêu trên đảm bảo điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; tuy vậy, các đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp chưa đạt tiêu chuẩn đơn vị hành chính theo quy định. Theo đề nghị của Bộ Nội vụ, UBND tỉnh Phú Yên đã nghiên cứu, rà soát kỹ phương án sắp xếp này và rà soát các yếu tố

đặc thù về văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục tập quán và cộng đồng dân cư thì các phương án sáp nhập ở trên là khả thi, phù hợp nhất với tình hình thực tế của địa phương, cụ thể như sau:

- *Đối với phương án nhập xã Bình Ngọc với Phường 1*: Đây là 02 ĐVHC được hình thành từ lâu và có nhiều nét tương đồng về văn hóa, phong tục tập quán cũng như tôn giáo tín ngưỡng. Xã Bình Ngọc là ĐVHC nông thôn nằm ở khu vực trung tâm của thành phố, được bao bọc bởi các phường nội thị; có vị trí tiếp giáp với Phường 1 cả về phía Tây và phía Nam. Dân cư của xã Bình Ngọc chủ yếu có nguồn gốc từ Phường 1, nhiều người đang sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng tại các cơ sở tôn giáo, thờ tự trên địa bàn Phường 1. Do đó, nhập xã Bình Ngọc với Phường 1 thành 01 ĐVHC đô thị mới với quy mô, diện tích, dân số vừa phải, các cụm dân cư gần khu trung tâm sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân trong việc đi lại, sinh hoạt, liên hệ với chính quyền để giải quyết công việc, phù hợp với nguyện vọng chính đáng của Nhân dân, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho chính quyền cơ sở trong công tác quản lý Nhà nước trên địa bàn, phù hợp với điều kiện, năng lực quản lý của cán bộ cấp cơ sở. Ngoài ra, theo hướng Tây: Phường mới hình thành sau sắp xếp tiếp giáp với huyện Phú Hòa, nếu sáp nhập thêm diện tích của huyện Phú Hòa sẽ gây xáo trộn lớn về địa giới hành chính; theo hướng Nam tiếp giáp với phường Phú Đông và Phú Lâm, nhưng khu dân cư bị ngăn cách bởi sông Đà Rằng, hơn nữa 02 phường này cũng có quy mô khá lớn; còn hướng Bắc và hướng Đông giáp với các phường đã có phương án sáp nhập.

- *Đối với phương án nhập Phường 4 với Phường 6*: Phường 4 và Phường 6 là 02 phường nằm ở khu vực cửa biển và dọc theo bờ Bắc của sông Đà Rằng; được kết nối thuận lợi với nhau thông qua các tuyến đường Trần Hưng Đạo, Bạch Đằng, Hùng Vương, Nguyễn Công Trứ,... Đây là hai phường có nguồn gốc kinh tế chủ yếu làm nghề đánh bắt thủy sản nên có nhiều tương đồng về văn hóa, tín ngưỡng, phong tục tập quán; đặc biệt tại địa phương có Lễ hội Cầu ngư - Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia là “món ăn tinh thần” không thể thiếu trong đời sống tâm linh của ngư dân. Bên cạnh đó, thực hiện Kế hoạch số 58-KH/TU ngày 11/4/2018 của Tỉnh ủy Phú Yên về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, từ năm 2021 UBND thành phố Tuy Hòa đã thực hiện sáp nhập các trường tiểu học, trung học cơ sở của Phường 6 và Phường 4 để phục vụ cho việc học tập của con em nhân dân cả 02 phường. Ngoài ra, theo hướng Nam, Bắc: Phường 4 và Phường 6 tiếp giáp với phường Phú Đông và Phường 7, là các phường có quy mô khá lớn và các khu dân cư ngăn cách bởi cửa biển, sông Đà Rằng. Vì vậy, việc nhập phường 4 với phường 6 là phù hợp với những đặc thù về lịch sử, văn hóa, tâm linh,... và đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân trên địa bàn.

- *Đối với phương án nhập Phường 2 với Phường 8 và điều chỉnh khu phố Phước Hậu 3 (Phường 9) vào Phường 8*: Phường 8 được thành lập năm 1999, trên cơ sở chia tách từ Phường 2. Do đó việc nhập lại toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của Phường 2 với Phường 8 và khu phố Phước Hậu 3 (Phường 9) để hình thành

Phường mới là phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Ngoài ra, theo hướng Bắc: Phường mới hình thành sau sắp xếp (*Phường 2, Phường 8 và khu phố Phước Hậu 3*) tiếp giáp với Phường 9, là phường có quy mô diện tích, dân số lớn, trải dài từ Đông sang Tây, từ biển Đông đến giáp huyện Phú Hòa ở phía Tây; theo hướng Tây sẽ tiếp giáp với huyện Phú Hòa (*nếu sáp nhập thêm diện tích của huyện Phú Hòa sẽ gây xáo trộn lớn về địa giới hành chính*) và xã Bình Ngọc (*đã nhập vào Phường 1*).

- *Đối với phương án nhập Phường 3 với Phường 5 và điều chỉnh khu phố Ninh Tịnh 1 (Phường 9) vào Phường 5*: Phường 5, Phường 3 và khu phố Ninh Tịnh 1 (Phường 9) là các đơn vị hành chính liền kề, người dân chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực thương mại dịch vụ, cộng đồng dân cư có nhiều nét tương đồng về văn hóa, phong tục tập quán và sinh hoạt tôn giáo tín ngưỡng. Mặt khác, theo hướng Đông và hướng Bắc: Phường mới hình thành sau sắp xếp (*Phường 3, Phường 5 và khu phố Ninh Tịnh 1 Phường 9*) sẽ tiếp giáp với Phường 7 và Phường 9, đây là các đơn vị hành chính có quy mô khá lớn, nếu nhập thêm 02 phường sẽ khó khăn cho việc quản lý điều hành của địa phương; còn theo hướng Tây và hướng Nam: sẽ tiếp giáp với các đơn vị hành chính đã có phương án sáp nhập.

IV. SỐ LƯỢNG ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ CỦA TỈNH PHÚ YÊN SAU SẮP XẾP

1. Số lượng ĐVHC cấp huyện, cấp xã trước khi sắp xếp

1.1. 09 đơn vị ĐVHC cấp huyện (06 huyện, 02 thị xã, 01 thành phố).

1.2. 110 ĐVHC cấp xã (83 xã, 21 phường, 06 thị trấn).

2. Số lượng ĐVHC cấp huyện, cấp xã sau sắp xếp

2.1. 09 đơn vị ĐVHC cấp huyện (06 huyện, 02 thị xã, 01 thành phố).

2.2. 106 ĐVHC cấp xã (82 xã, 18 phường, 06 thị trấn).

3. Số lượng ĐVHC cấp huyện, cấp xã giảm do sắp xếp

3.1. Không có ĐVHC cấp huyện giảm.

3.2. 04 ĐVHC cấp xã giảm (gồm 01 xã, 03 phường).

Phần IV

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã là một chủ trương lớn của Đảng trong công cuộc đổi mới đất nước. Tỉnh Phú Yên thực hiện sắp xếp sáp nhập ĐVHC cấp xã của thành phố Tuy Hòa là phù hợp với thực tiễn và xu hướng phát triển chung của cả nước, nhằm góp phần tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương, tinh giản biên chế, giảm tải gánh nặng ngân sách Nhà nước, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức để phục vụ người dân tốt hơn.

Tuy nhiên, việc sắp xếp sáp nhập ĐVHC cấp xã sẽ gặp không ít khó khăn phức tạp khi triển khai thực hiện bởi vì có ảnh hưởng rất lớn đến tư tưởng, tâm lý,

tình cảm, đời sống của cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn các xã có liên quan. Vì vậy, công tác tư tưởng và quyết tâm chính trị của các cấp chính quyền là một trong những yếu tố then chốt quyết định sự thành công. Do đó phải tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức trong cấp ủy để lãnh đạo chỉ đạo thực hiện tốt với quyết tâm cao, tạo sự đồng thuận của toàn hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên và nhân dân tại các địa phương có liên quan đến việc sắp xếp sáp nhập. Đồng thời, khi sáp nhập sẽ được thực hiện theo lộ trình để có thể giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng, tác động đến cuộc sống của người dân, cũng như cán bộ công chức khi sắp xếp.

I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP CÁC ĐVHC CẤP XÃ

1. Tác động về hoạt động quản lý nhà nước

1.1. Tác động tích cực

Việc thành lập, sáp nhập và điều chỉnh địa giới hành chính các xã, phường của tỉnh Phú Yên là phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước. Trong bối cảnh cả nước đang đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, các ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến được áp dụng rộng rãi trên nhiều lĩnh vực, việc quản lý cũng đang được thực hiện trên không gian mạng. Trên tinh thần chung này, việc thành lập, sáp nhập và điều chỉnh địa giới hành chính các xã góp phần đem lại các tác động tích cực sau:

- Đối với đơn vị hành chính cấp xã, thực hiện sắp xếp đối với đơn vị thuộc diện bắt buộc là cần thiết và khách quan; phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Việc sáp nhập thành đơn vị hành chính mới tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước của chính quyền cơ sở và hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng các khu dân cư trên địa bàn. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước và chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, đồng thời phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

- Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã gắn với việc giảm số lượng, tăng quy mô đơn vị hành chính, giải quyết các vấn đề còn bất cập; đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức theo chủ trương Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, đồng thời đáp ứng được xu thế phát triển của địa phương.

- Giảm chi thường xuyên và góp phần cải cách chính sách tiền lương.

1.2. Tác động tiêu cực

Việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 cũng sẽ có một số khó khăn, vướng mắc. Công tác bố trí, sắp xếp, giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính. Vì vậy, một số lượng lớn cán bộ sẽ phải luân chuyển công tác hoặc giảm biên chế. Quá trình kiện toàn tổ chức, tinh giản biên chế sẽ có những xáo trộn nhất định; những cán bộ, công

chức được lựa chọn, điều động đến đơn vị hành chính mới cũng không tránh khỏi những lúng túng ban đầu do phải giải quyết công việc chuyên môn ở địa bàn mới. Điều này tất yếu ảnh hưởng đến hiệu quả công tác của cán bộ, công chức và các cơ quan quản lý trong thời gian đầu.

Ngoài ra, công tác quản lý nhà nước trên địa bàn rộng lớn hơn sẽ không tránh khỏi việc nảy sinh những khó khăn thách thức về quản lý đất đai, cấp giấy phép xây dựng nhà ở, giấy phép kinh doanh, đặc biệt là quản lý quy hoạch, quản lý sử dụng tài nguyên đất, thực hiện các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng xã hội, v.v. Tuy nhiên, về lâu dài khi bộ máy chính trị và công tác quản lý đi vào ổn định sẽ đem lại nhiều tác động tích cực cho địa phương.

Sau khi sắp xếp, nhu cầu đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng đô thị rất lớn trong khi nguồn ngân sách nhà nước còn hạn hẹp, việc xã hội hóa, huy động các nguồn lực trong xã hội còn hạn chế.

2. Tác động về đời sống dân cư

2.1. Tác động tích cực

- Khi quy mô đơn vị hành chính tăng lên, việc đầu tư hạ tầng kinh tế xã hội sẽ được tăng lên đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng của sản xuất và đời sống dân cư trên địa bàn.

- Đối với xã Bình Ngọc sẽ được đầu tư theo tiêu chuẩn đô thị, hạ tầng kinh tế xã hội phát triển tương xứng với tốc độ phát triển hiện nay.

- Việc điều chỉnh khu phố Phước Hậu 3 (Phường 9) vào Phường 8, khu phố Ninh Tịnh 1 thuộc Phường 9 vào Phường 5 đã đáp ứng được nguyện vọng của Nhân dân trên địa bàn; tạo thuận lợi cho người dân trong sinh hoạt, thuận lợi cho công tác quản lý hành chính và đảm bảo nguồn lực phát triển giữa các đơn vị hành chính.

2.2. Tác động tiêu cực

Trong giai đoạn đầu sau khi thực hiện sắp xếp, đời sống sinh hoạt của Nhân dân ở một số xã, phường cũng chịu tác động, ảnh hưởng nhất định do phải điều chỉnh thông tin, thay đổi địa chỉ. Đồng thời, việc chuyển đổi và thống nhất các giấy tờ, sổ sách liên quan đến các cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn cũng gây không ít khó khăn và tác động đến đời sống và hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Tác động về kinh tế - xã hội

3.1. Tác động tích cực

Việc thành lập, sáp nhập và điều chỉnh địa giới hành chính các phường, xã thành các ĐVHC mới có quy mô lớn là phù hợp với chủ trương đường lối của Đảng và Nhà Nước, đồng thời sẽ tập trung được nguồn lực cho phát triển của địa phương, không bị dàn trải, do đó hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội của ĐVHC mới sẽ được quan tâm đầu tư đồng bộ hơn, nhất là hệ thống các công trình hạ tầng, giao thông, y tế, giáo dục, các thiết chế văn hóa, v.v, bên cạnh đó một số cơ sở vật chất của đơn vị cũ hiện có cũng sẽ được tính toán lại, tận dụng hiệu quả bảo đảm tạo cơ hội phát triển tốt cho đơn vị mới.

Sau khi thành lập cùng với việc kiện toàn bộ máy quản lý, tinh giảm biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, nguồn vốn đầu tư cho đơn vị mới sẽ được sử dụng hiệu quả hơn, thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển, qua đó tạo điều kiện để nhân dân nâng cao thu nhập trong các hoạt động kinh tế, giữ gìn nếp sống văn hóa, chỉnh trang đô thị, giữ vững an ninh trật tự, v.v...

3.2. Tác động tiêu cực

Mặc dù các ĐVHC thành lập, sáp nhập và điều chỉnh địa giới hành chính có nhiều sự tương đồng về lịch sử hình thành, vị trí địa lý, văn hóa, xã hội, v.v... Tuy vậy, việc thành lập, sáp nhập và điều chỉnh địa giới hành chính các phường, xã trên địa bàn thành phố không tránh khỏi những xáo trộn đáng kể đến các yếu tố văn hóa - lịch sử của địa phương. Bên cạnh đó, phong tục - tập quán, thói quen - lối sống, tâm lý của người dân cũng có những nét riêng biệt nhất định, nên việc sáp nhập vẫn có thể làm nảy sinh những lo lắng trong nhân dân nếu các cấp chính quyền không làm tốt công tác tuyên truyền để nhất quán trong nhận thức của người dân.

4. Tác động về quốc phòng, an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội

4.1. Tác động tích cực

Theo quan điểm chỉ đạo của Trung ương và Bộ chính trị, việc sáp nhập các đơn vị hành chính có quy mô quá nhỏ sẽ nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước nói chung, trong đó có công tác quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự xã hội. Bên cạnh đó, việc sáp nhập là một yếu tố thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cũng như ý thức cảnh giác của quần chúng nhân dân, góp phần củng cố nền quốc phòng toàn dân với thế trận an ninh nhân dân vững chắc, hạn chế các nguyên nhân và điều kiện phát sinh tội phạm.

4.2. Tác động tiêu cực

Khi sáp nhập địa bàn quản lý rộng, dân số lớn, nhiều thành phần phức tạp, nhưng cơ cấu tổ chức, phương tiện phục vụ chưa tương xứng để đảm bảo an ninh trật tự, dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý đối tượng, địa bàn.

5. Tác động về cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công

5.1. Tác động tích cực

Thành lập ĐVHC mới với quy mô diện tích và dân số lớn hơn, nhưng tổ chức bộ máy tinh gọn, bớt chồng chéo, đội ngũ cán bộ công chức qua tinh lọc sẽ được đào tạo nâng cao chất lượng phục vụ đồng nghĩa với việc người dân và doanh nghiệp được tạo điều kiện thuận lợi hơn trong các thủ tục hành chính.

Việc hình thành các ĐVHC mới có quy mô lớn hơn sẽ tạo điều kiện sắp xếp, bố trí đúng người, đúng trình độ chuyên môn đào tạo; được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp; được quán triệt về đạo đức công vụ; chống quan liêu, tham nhũng; nâng cao tinh thần chính quyền phục vụ, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Mặt khác, phường mới cũng sẽ được tạo điều kiện tăng cường các công tác đào tạo, tập huấn, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức đầu mối về cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông

tin, đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ công trực tuyến cho người dân, tổ chức, tăng cường kết nối các dịch vụ công trực tuyến mức độ cao với cơ chế một cửa.

5.2. Tác động tiêu cực

Việc thành lập, sáp nhập và điều chỉnh địa giới hành chính các phường, xã trên địa bàn tỉnh về trước mắt sẽ có ảnh hưởng tới lợi ích của người dân trong vấn đề giải quyết thủ tục hành chính do thay đổi tên xã và trụ sở làm việc cũng như việc làm của một số cán bộ công chức, bộ máy hành chính có thể bước đầu vẫn còn công kênh do lộ trình tinh giảm sẽ ổn định sau 5 năm kể từ ngày sáp nhập. Nhưng với sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị và sự chỉ đạo sâu sát từ Trung ương tới địa phương sẽ thực hiện tốt việc hỗ trợ cho người dân theo Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025, để những khó khăn vướng mắc trong quá trình sáp nhập sẽ từng bước được tháo gỡ.

II. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ GIẢI PHÁP KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP CÁC ĐVHC CẤP XÃ

1. Những thuận lợi

Việc thành lập, sáp nhập và điều chỉnh địa giới hành chính các phường, xã được thực hiện theo đúng chủ trương của Đảng và Nhà nước cũng như phù hợp với xu thế phát triển chung của đất nước nên được sự ủng hộ và đồng tình của các cấp chính quyền và người dân địa phương. Đây là một trong những thuận lợi lớn khi thực hiện việc sáp nhập. Bên cạnh đó, việc thực hiện sáp nhập cũng nhận được sự hướng dẫn và chỉ đạo sâu sát của cấp trên; sự đồng thuận trong Cấp ủy và chính quyền địa phương; sự chỉ đạo điều hành linh hoạt, sáng tạo, quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh; sự nỗ lực, cố gắng, quyết tâm của cả hệ thống chính trị, của các cấp, các ngành và cộng đồng nhân dân.

Ngoài ra, việc thành lập, sáp nhập và điều chỉnh địa giới hành chính các phường, xã trên địa bàn thành phố khá tương đồng về các yếu tố đặc thù như truyền thống văn hóa, lịch sử, cộng đồng dân cư, dân tộc, tôn giáo, vị trí và điều kiện địa lý, v.v... nên việc thành lập, sáp nhập và điều chỉnh địa giới hành chính các phường, xã là thuận lợi cho việc quản lý điều hành của chính quyền, cũng như sự hòa nhập của người dân sau khi thành lập, sáp nhập và điều chỉnh địa giới hành chính.

2. Những khó khăn, vướng mắc

Việc thành lập, sáp nhập và điều chỉnh địa giới hành chính các phường, xã là cần thiết và phù hợp với quan điểm chỉ đạo của Trung ương, hướng đến mục tiêu tổng quát theo Nghị quyết số 37-NQ/TW là sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã nhằm tổ chức hợp lý đơn vị hành chính các cấp phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển của đất nước; bảo đảm hoàn thiện thể chế về đơn vị hành chính, bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; góp phần phát huy mọi nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Nhưng việc sáp nhập có tác động không nhỏ đến tâm tư, tình cảm, quyền lợi của cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn các xã, phường sáp nhập.

- Đối với người dân, đã nhiều thế hệ gắn bó, họ đang được sống trong môi trường ổn định, khi thực hiện chủ trương sáp nhập, người dân có thể chưa nhận thức đầy đủ được lợi ích to lớn và lâu dài nhưng trước mắt với tên gọi mới, trụ sở mới sẽ tác động trực tiếp đến tư tưởng của họ. Vì vậy, công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận và nhất trí cao của người dân là nhiệm vụ quan trọng trong quá trình triển khai thực hiện.

- Đối với đội ngũ cán bộ, công chức, việc bố trí, sắp xếp sẽ gặp khó khăn vì một số cán bộ, công chức sẽ được lựa chọn tiếp tục công tác, một số sẽ được điều chuyển công tác khác, một số sẽ phải giải quyết chế độ hoặc tinh giản biên chế. Vì vậy cần có chính sách phù hợp, có lộ trình và xử lý khéo léo, tế nhị để đảm bảo tư tưởng an tâm công tác đối với cán bộ, công chức.

- Theo yêu cầu của Nghị quyết 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đơn vị hành chính đô thị dự kiến hình thành sau sắp xếp phải đáp ứng tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội, loại đô thị đối với thành phố, thị xã, thị trấn hoặc trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị đối với quận, phường theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. Khi sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của xã Bình Ngọc với Phường 1 thành đơn vị hành chính đô thị, phải đánh giá trình độ phát triển hạ tầng của phường; tiêu chuẩn phân loại đô thị đối với thành phố Tuy Hòa theo quy định của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022).

3. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc

Những vướng mắc, bất cập nêu trên do nhiều nguyên nhân:

- Do yêu cầu về tiến độ xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2025 nên việc xây dựng Quy hoạch và đánh giá tiêu chuẩn hạ tầng đô thị của Bình Ngọc chưa được phê duyệt nên việc sắp xếp các đơn vị hành chính nông thôn vào đơn vị hành chính đô thị khó bảo đảm tiến độ của Đề án.

- Trước hết, tiêu chuẩn về quy mô dân số và diện tích tự nhiên của đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính được quy định tương đối cao, khi sắp xếp 02 đơn vị hành chính vẫn chưa đủ tiêu chuẩn theo quy định.

- Thời gian thực hiện gấp, khối lượng công việc nhiều, phức tạp nên khó khăn trong việc bảo đảm đúng tiến độ; đây là những vấn đề cần nghiên cứu, có giải pháp khắc phục hiệu quả để chuẩn bị và tổ chức triển khai thực hiện.

4. Giải pháp khi thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã

Quán triệt và thực hiện nghiêm túc các chủ trương, chính sách của Đảng, quy định của pháp luật về sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan trong hệ thống chính trị bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Kiện toàn, chuyển đổi bộ máy phù hợp với quy mô, tính chất của đơn vị hành chính sau sắp xếp. Thực hiện nghiêm việc

rà soát, đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức ở các cơ quan, đơn vị có số lượng cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc cao hơn số lượng biên chế được giao để bố trí, phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng, phù hợp với tiêu chuẩn, chức danh, yêu cầu công việc. Rà soát, điều chỉnh phương án xử lý, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn, đặc biệt là trong lĩnh vực y tế, giáo dục, để bảo đảm tốt hơn, thuận lợi hơn việc cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công thiết yếu cho người dân.

Hoàn thành việc bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư theo đúng yêu cầu tại về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã trong giai đoạn 2023 - 2025.

Tiến hành phê duyệt các đồ án và đề án phân loại đô thị, chương trình phát triển đô thị ở các đơn vị hành chính đô thị hình thành khi sáp nhập với đơn vị hành chính nông thôn và bố trí nguồn lực, kinh phí hợp lý cho công tác này.

Thực hiện đồng thời việc lập phê duyệt các đồ án và đề án phân loại đô thị, chương trình phát triển đô thị, bảo đảm kết nối và phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh của địa phương.

Bố trí nguồn lực đầu tư và có lộ trình, kế hoạch phát triển hạ tầng đô thị các phường phù hợp kể từ khi thực hiện sắp xếp, các đô thị hình thành do sắp xếp đơn vị hành chính đô thị với đơn vị hành chính nông thôn đạt tiêu chí, tiêu chuẩn của loại đô thị tương ứng theo quy định của pháp luật.

Rà soát danh sách các trụ sở của cơ quan, tổ chức ở các đơn vị hành chính đã thực hiện sắp xếp sử dụng hoặc thanh lý để xử lý, chuyển đổi công năng, mục đích sử dụng thì khẩn trương làm thủ tục bàn giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu; lập kế hoạch, dự toán, cấp bổ sung kinh phí phục vụ việc cải tạo, chuyển đổi công năng, nâng cấp cơ sở vật chất đáp ứng mục đích sử dụng mới.

Tổ chức bán đấu giá các trụ sở dôi dư, không sử dụng để bổ sung kinh phí cho địa phương. Chính phủ chỉ đạo, tổ chức hướng dẫn việc thực hiện thủ tục thanh lý, bán đấu giá tài sản, quyền sử dụng đất tại các trụ sở công thuộc diện này, bảo đảm đơn giản thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian, tránh gây lãng phí, giảm giá trị do hư hỏng, tài sản xuống cấp.

Tỉnh chủ động cân đối, bố trí nguồn ngân sách để đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các trụ sở làm việc được tiếp tục sử dụng phục vụ hoạt động của đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp phù hợp với quy hoạch của địa phương.

Ưu tiên nguồn lực, có chính sách ưu đãi, hỗ trợ hợp lý, đặc thù cho các đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp để có điều kiện ổn định tổ chức, hoạt động của bộ máy chính quyền cơ sở, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức dôi dư, đầu tư xây dựng hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Hoàn thành việc lập mới, chỉnh lý bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp có liên quan đến việc sắp xếp đơn vị hành chính.

III. KẾ HOẠCH, LỘ TRÌNH VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Kế hoạch và lộ trình thực hiện

1.1. Năm 2023

- Rà soát, hoàn thành xử lý, khắc phục những tồn tại, hạn chế khi thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019 - 2021 và tạo thuận lợi cho việc thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

- Xây dựng Phương án tổng thể, Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% tiêu chuẩn quy định; ĐVHC cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn quy định; ĐVHC đề xuất thuộc diện khuyến khích sắp xếp.

1.2. Năm 2024

- Hoàn thành việc sắp xếp ĐVHC cấp xã nêu tại mục I Phần III Đề án này trong quý II/2024.

- Tiến hành sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố ở ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

- Tập trung giải quyết chế độ, chính sách dôi dư tại ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

- Sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị tại ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

- Thu hồi con dấu cũ, khắc con dấu mới của cơ quan, tổ chức; thực hiện việc chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới, tên gọi của ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

- Triển khai thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù tại các ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025 (nếu có).

1.3. Năm 2025

- Tổ chức thành công đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2023 - 2025 (trong đó có những ĐVHC hình thành sau sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025).

- Tiếp tục giải quyết chế độ, chính sách dôi dư tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và những người dôi dư sau đại hội đảng bộ cấp xã nhiệm kỳ 2025 - 2030 ở những ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

- Tiếp tục thực hiện việc sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, tổ chức tại ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

- Hoàn thành việc chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới, tên gọi của ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù tại các ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025 (nếu có).

- Triển khai công tác lập mới, chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng

ĐVHC cấp huyện có ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp và ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

- Sơ kết việc thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

2. Dự kiến kinh phí triển khai thực hiện

Kinh phí thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã chủ yếu do ngân sách địa phương bảo đảm, được sử dụng kinh phí thường xuyên trong nguồn ngân sách nhà nước đã được giao trong thời kỳ ổn định ngân sách của các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp để chi các nhiệm vụ sắp xếp đơn vị hành chính.

Kinh phí để thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn để thực hiện xây dựng phương án, đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; tổ chức tuyên truyền, vận động; tổ chức lấy ý kiến cử tri; giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư; hoạt động kiến thiết thị chính và các nhiệm vụ cần thiết khác do sắp xếp đơn vị hành chính.

Ngân sách trung ương hỗ trợ một lần cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nhận bổ sung cân đối ngân sách với định mức 20 tỷ đồng cho mỗi đơn vị hành chính cấp huyện giảm và 500 triệu đồng cho mỗi đơn vị hành chính cấp xã giảm để hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ bản phục vụ việc sắp xếp đơn vị hành chính. Căn cứ kế hoạch sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, Chính phủ trình Quốc hội quyết định trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

Theo đó kinh phí để thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính khoảng **37.000 triệu đồng**, bao gồm:

- Kinh phí chi trả chế độ cho cán bộ, công chức và người lao động dôi dư, hỗ trợ giải quyết việc làm...: **23.000** triệu đồng.

- Kinh phí đầu tư tu sửa, mua sắm trang thiết bị các trụ sở (của 4 phường mới hình thành sau sắp xếp): **10.000** triệu đồng.

- Kinh phí khác (*Kinh phí tổ chức tuyên truyền, vận động; tổ chức xây dựng đề án; tổ chức lấy ý kiến cử tri, chi công tác phí, hội họp, in ấn tài liệu, chi phí khác....*): **4.000** triệu đồng.

Chính phủ sẽ chi 2.000 triệu đồng để hỗ trợ tỉnh Phú Yên đầu tư xây dựng cơ bản phục vụ việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

IV. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC

1.1. Việc sắp xếp, kiện toàn các cơ quan, tổ chức của chính quyền địa phương khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã phải bảo đảm nguyên tắc thống nhất và gắn

với việc sắp xếp tổ chức Đảng và tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

1.2. Việc tổ chức chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp được thực hiện như sau:

- Khi nhập các đơn vị hành chính cấp xã để hình thành một đơn vị hành chính cùng cấp mới thì tổ chức chính quyền địa phương và hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới thực hiện theo quy định tại Điều 134 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị.

- Khi điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên và dân số của đơn vị hành chính cấp xã để hình thành đơn vị hành chính cùng cấp thì tổ chức chính quyền địa phương và hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp thực hiện theo quy định tại Điều 136 và Điều 137 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị;

- Trường hợp Hội đồng nhân dân cấp xã do điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính để thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã mà không còn đủ hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân thì thực hiện theo quy định tại Điều 138 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

1.3. Khóa của Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp được xác định như sau:

- Trường hợp đơn vị hành chính được hình thành trên cơ sở nhập các đơn vị hành chính cùng cấp và có tên gọi khác với tên gọi của đơn vị hành chính được nhập thì khóa của Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính sau sắp xếp được tính lại từ đầu (khóa I) kể từ thời điểm thành lập.

- Trường hợp đơn vị hành chính được hình thành trên cơ sở nhập, điều chỉnh địa giới các đơn vị hành chính và thay đổi tên gọi hoặc loại hình đơn vị hành chính thì khóa của Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính sau sắp xếp được tính lại từ đầu (khóa I) kể từ thời điểm thành lập.

- Trường hợp đơn vị hành chính được hình thành trên cơ sở nhập hoặc điều chỉnh địa giới các đơn vị hành chính cùng cấp và giữ nguyên tên gọi và loại hình của một trong các đơn vị hành chính được nhập, điều chỉnh thì khóa của Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính sau khi nhập, điều chỉnh tiếp tục tính theo khóa của Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính được giữ nguyên tên gọi.

1.4. Kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Chính phủ đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của địa phương, tạm dừng việc bầu, bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý và tuyển dụng, tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, tổ chức trên địa bàn cho đến khi nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng đơn vị hành chính có liên quan có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp khuyết người đứng đầu cơ quan, tổ chức mà không bố trí được người phụ trách theo quy định của pháp luật thì được bầu, bổ nhiệm chức danh đó.

1.5. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng đơn vị hành chính có hiệu lực thi hành, các cơ quan, tổ chức ở đơn vị hành chính mới phải hoàn thành xong việc sắp xếp và kiện toàn tổ chức bộ máy.

- Theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định số lượng cán bộ, công chức cấp xã được tính theo loại đơn vị hành chính cấp xã, cụ thể như sau: Đối với phường: Loại I là 23 người; loại II là 21 người; loại III là 19 người; Đối với xã, Loại I là 22 người; loại II là 20 người; loại III là 18 người và số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được tính theo loại đơn vị hành chính cấp xã, cụ thể như sau: Loại I là 14 người; loại II là 12 người; loại III là 10 người. Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện bố trí số lượng cụ thể cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã ở từng đơn vị hành chính cấp xã và bố trí số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thuộc phạm vi quản lý cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của từng đơn vị hành chính cấp xã. Số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã ở từng đơn vị hành chính cấp xã có thể thấp hơn mức của cấp xã loại III hoặc có thể cao hơn mức của cấp xã loại I quy định tại khoản 1 Điều này, nhưng phải bảo đảm không vượt quá tổng số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã của cả đơn vị hành chính cấp huyện được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh giao.

- Theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định chức vụ, chức danh cán bộ cấp xã có các chức vụ sau: Bí thư, Phó bí thư Đảng ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam; Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

- Cũng theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định chức danh công chức cấp xã có các chức danh sau: Chỉ huy trưởng Quân sự, Văn phòng - thống kê, Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường) hoặc địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã); Tài chính - kế toán; Tư pháp - hộ tịch; Văn hóa - xã hội.

- Theo Nghị quyết số 38/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Phú Yên ngày 09/12/2023, các cán bộ không chuyên trách cấp xã gồm 16 chức danh sau: Phó Trưởng công an (không là công an chính quy); Phó Chỉ huy trưởng quân sự; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Phó Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam; Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam; Chủ tịch Hội Người cao tuổi; Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ Việt Nam; Tổ chức - Kiểm tra - Tuyên giáo - Dân vận; Văn phòng Đảng ủy; Đài truyền thanh - Dân số - Gia đình và Trẻ em; Chăn nuôi - Thú y; Thủ quỹ - Văn thư - Lưu trữ; Giao thông - Thủy lợi - Nông - Ngư nghiệp và Công an viên thường trực (không là công an chính quy).

Trước khi thực hiện bố trí lại các chức danh của hệ thống chính trị mới, cần phải tiến hành rà soát, đánh giá, phân loại để tiếp tục bố trí, sử dụng những cán bộ,

công chức đủ năng lực chuyên môn; tiến hành đào tạo lại những người chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, những người còn thiếu các tiêu chuẩn theo quy định; những vị trí dôi dư có thể chuyển về các đơn vị hành chính khác hoặc thực hiện tinh giản biên chế theo quy định của Đảng và Nhà nước. Chậm nhất là 05 năm kể từ ngày nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng đơn vị hành chính có hiệu lực thi hành, số lượng lãnh đạo, quản lý và số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ở các cơ quan, tổ chức ở đơn vị hành chính sau sắp xếp phải bảo đảm đúng theo quy định. Trường hợp đặc biệt báo cáo Bộ Nội vụ để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp ĐVHC

2.1 Đối với tổ chức Đảng

Việc thành lập, sáp nhập và điều chỉnh địa giới hành chính các phường, xã thành các ĐVHC mới. Chuyên toàn bộ đảng viên của Đảng bộ đơn vị cũ được sáp nhập về Đảng bộ đơn vị mới; các chi bộ trực thuộc tùy theo điều kiện, tính chất hoạt động có thể giữ nguyên hoặc thay đổi theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Cán bộ - công chức chuyên trách của Đảng ủy xã mới gồm 02 chức danh sau: Bí thư Đảng ủy và Phó bí thư thường trực Đảng ủy.

Những người hoạt động không chuyên trách của Đảng ủy xã mới gồm 02 chức danh sau: Tổ chức - Kiểm tra - Tuyên giáo - Dân vận và Văn phòng Đảng ủy.

2.2. Đối với HĐND

Phương án bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức của đơn vị mới sau khi sáp nhập tuân theo Điều 134 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 như sau:

- Sau khi sáp nhập các Đại biểu HĐND của đơn vị hành chính cũ được hợp thành HĐND của đơn vị hành chính mới và tiếp tục hoạt động cho đến khi hết nhiệm kỳ.

- Kỳ họp thứ nhất của HĐND ở đơn vị hành chính mới do một triệu tập viên được Thường trực HĐND cấp trên trực tiếp chỉ định trong số đại biểu HĐND của đơn vị hành chính mới để triệu tập và chủ tọa cho đến khi HĐND bầu ra Chủ tịch Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính mới.

- HĐND của đơn vị hành chính mới bầu các chức danh của HĐND, UBND theo quy định, tại Điều 83 của luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 và hoạt động cho đến khi HĐND khóa mới được bầu ra.

Sau khi hết nhiệm kỳ HĐND của hai đơn vị hành chính cũ, HĐND của đơn vị mới sẽ tiến hành bầu lại các vị trí đại biểu HĐND cũng như các chức danh cán bộ - công chức sau:

- Cán bộ, công chức chuyên trách gồm 02 chức danh sau: Chủ tịch HĐND xã (Bí thư Đảng ủy hoặc Phó bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm) và Phó chủ tịch HĐND.

- Cán bộ, công chức kiêm nhiệm gồm 04 chức danh sau: Trưởng ban Pháp chế, Phó trưởng ban Pháp chế, Trưởng ban Kinh tế - xã hội và Phó trưởng ban Kinh tế - xã hội.

Theo quy định số lượng đại biểu HĐND các phường mới được bầu như sau:

- + Phường 1 mới (Sáp nhập Phường 1 và xã Bình Ngọc) được bầu 21 đại biểu.
- + Phường 2 mới (sáp nhập Phường 2, Phường 8 và khu phố Phước Hậu 3) được bầu 23 đại biểu.
- + Phường 5 mới (sáp nhập Phường 3, Phường 5 và khu phố Ninh Tịnh 1) được bầu 23 đại biểu.
- + Phường 4 mới (sáp nhập Phường 4, Phường 6) bầu 23 đại biểu.
- + Phường 9 (còn lại sau khi điều chỉnh khu phố Ninh Tịnh 1 và khu phố Phước Hậu 3) được bầu 22 đại biểu.

2.3. Đối với UBND xã và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội

Sáp nhập UBND và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội đơn vị cũ để thành lập UBND và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội đơn vị mới.

Cán bộ, công chức chuyên trách của UBND cấp xã mới gồm 08 chức danh như sau: 02 chức danh cán bộ là Chủ tịch UBND, Phó chủ tịch UBND cấp xã và 06 chức danh công chức xã gồm: Chỉ huy trưởng Quân sự, Tài chính - Kế toán, Văn phòng - Thống kê, Tư pháp - Hộ tịch, Văn hóa - Xã hội, Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường. Một số chức danh cán bộ, công chức chuyên trách của UBND cấp xã mới có thể gồm 01 hoặc nhiều người.

Cán bộ, công chức chuyên trách của các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội cấp xã mới gồm 05 chức danh như sau: Chủ tịch Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam, Bí thư đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Chủ tịch hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Chủ tịch hội nông dân Việt Nam, Chủ tịch hội cựu chiến binh Việt Nam.

2.4. Sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, những người hoạt động không chuyên trách

Tiến hành tổ chức rà soát về độ tuổi, trình độ đào tạo, về các điều kiện như sức khỏe, năng lực chuyên môn, v.v. của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Cơ bản giữ nguyên số cán bộ, công chức và người lao động của các đơn vị sáp nhập và bố trí, sắp xếp lại một số chức danh cho phù hợp đúng theo quy định. Trong quá trình kiện toàn bộ máy, sẽ xây dựng và bố trí đội ngũ cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực và phẩm chất theo hướng tinh gọn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Tuyên truyền, vận động, đề nghị các cấp tạo điều kiện thuận lợi để giải quyết theo nguyện vọng khi cán bộ, công chức xin nghỉ chế độ theo quy định tại các văn bản sau: Nghị định 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan Đảng Cộng sản Việt nam, Nhà nước,

tổ chức chính trị - xã hội; Nghị định 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức.

Đối với những người hoạt động không chuyên trách của phường, xã mới: khi sắp xếp cần lựa chọn những người có đủ trình độ, năng lực đảm nhận nhiệm vụ, những người còn lại được nghỉ việc theo Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc quy định chế độ trợ cấp thôi việc đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, buôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Phú Yên (*Sở Nội vụ đang thực hiện quy trình tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành chính sách*).

- Trước mắt giữ nguyên số lượng cán bộ, công chức hiện có và bố trí công tác theo các vị trí chức danh ở phường mới sau khi sáp nhập và thực hiện chính sách giảm dần theo lộ trình. Không tuyển dụng bổ sung thêm cho đến khi đảm bảo đủ số lượng theo quy định.

- Đối với số lượng lãnh đạo cấp xã dôi dư (bao gồm như: Bí thư, Phó Bí thư Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Trưởng các đoàn thể chính trị - xã hội) các địa phương căn cứ theo các tiêu chuẩn quy định về công tác cán bộ, thực hiện lựa chọn những người đảm bảo đủ tiêu chuẩn để bầu vào giữ các chức vụ lãnh đạo ở phường mới theo quy định, số cán bộ lãnh đạo còn lại dôi dư thực hiện cho bảo lưu hệ số phụ cấp chức vụ theo quy định.

- Điều chuyển cán bộ, công chức đến đơn vị còn khuyết chức danh hoặc còn thiếu công chức đảm bảo có trình độ chuyên môn phù hợp.

- Giải quyết chế độ nghỉ hưu (nếu đảm bảo điều kiện theo quy định của Luật cán bộ, công chức và Luật BHXH); Cho nghỉ chế độ theo quy định.

- UBND thành phố Tuy Hòa giới thiệu những cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sáp nhập sang các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố để tiếp tục công tác (nếu có).

Hiện nay, tổng số cán bộ, công chức tại các đơn vị sắp xếp là 255 người (*trong đó: cán bộ, công chức là 163 người và người hoạt động không chuyên trách là 92 người*).

3. Phương án và lộ trình giải quyết chế độ, chính sách sau sắp xếp ĐVHC

Số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở các đơn vị thành lập, sáp nhập và điều chỉnh địa giới hành chính các phường, xã là 255 người (*trong đó: cán bộ, công chức là 163 người và người hoạt động không chuyên trách là 92 người*).

Theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định đối với phường: Loại I là 23 người; loại II là 21 người; loại III là 19 người; đối với xã, Loại I là 22 người; loại II là 20 người; loại III là 18 người và số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được tính theo loại đơn vị hành chính cấp xã, cụ thể như sau: Loại I là 14 người; loại II là 12 người; loại III là 10 người.

- Số lượng cán bộ, công chức ở các đơn vị hành chính sau sắp xếp:

+ Phường 1 (mới) hiện vẫn là loại III, được sắp xếp 19 người;

+ Phường 2 (mới) là loại II, được sắp xếp 21 người;

- + Phường 5 (mới) là loại II, được sắp xếp 21 người;
- + Phường 4 (mới) là loại I, được sắp xếp 23 người.
- Tổng số cán bộ, công chức sắp xếp các phường, xã được sắp xếp 84 người, dôi dư 79 người (cán bộ là 37 người, công chức là 42 người).
- Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở các đơn vị hành chính sau sắp xếp:
 - + Phường 1 (mới) hiện vẫn là loại III, được sắp xếp 10 người;
 - + Phường 2 (mới) là loại II, được sắp xếp 12 người;
 - + Phường 5 (mới) là loại II, được sắp xếp 12 người;
 - + Phường 4 (mới) là loại I, được sắp xếp 14 người.
- Tổng số người hoạt động không chuyên trách các phường, xã sắp xếp 48 người, dôi dư 44 người.

Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân thành phố Tuy Hòa thực hiện bố trí số lượng cụ thể cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã ở từng đơn vị hành chính cấp xã và bố trí số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thuộc phạm vi quản lý cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của từng đơn vị hành chính cấp xã. Số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã ở từng đơn vị hành chính cấp xã có thể thấp hơn mức của cấp xã loại III hoặc có thể cao hơn mức của cấp xã loại I quy định tại khoản 1 Điều này, nhưng phải bảo đảm không vượt quá tổng số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã của cả đơn vị hành chính cấp huyện được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh giao. Như vậy số lượng cán bộ, công chức dôi dư 79 người (cán bộ là 37 người, công chức là 42 người) và số người hoạt động không chuyên trách dôi dư là 44 người.

UBND thành phố Tuy Hòa sẽ có kế hoạch, lộ trình và phương án riêng về việc thực hiện việc sắp xếp số lượng lãnh đạo, quản lý, số lượng cán bộ, công chức, viên chức dôi dư gắn với thực hiện tinh giản biên chế tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị mới hình thành theo các nghị quyết, kết luận của Đảng, quy định của Nhà nước bảo đảm phù hợp với thực tế và theo lộ trình, kế hoạch của địa phương. Chậm nhất là 05 năm kể từ ngày nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng đơn vị hành chính cấp xã có hiệu lực thi hành thì số lượng lãnh đạo, quản lý và số lượng công chức, viên chức ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở đơn vị hành chính mới bảo đảm đúng theo Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 và Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

Bên cạnh đó, cần có chính sách phù hợp để đảm bảo cho các cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách dôi dư chưa sắp xếp được công việc phù hợp sẽ được hưởng các quyền lợi đảm bảo như: bảo lưu mức phụ cấp chức vụ, chính sách tiền lương phù hợp trong thời gian tổ chức, sắp xếp lại công việc để đảm bảo thu nhập của cán bộ, công chức không ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình. Các

trường hợp tinh giản biên chế phải thực hiện theo Nghị định 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế. Việc sắp xếp cán bộ, công chức sau khi sáp nhập đơn vị hành chính diễn ra công bằng, minh bạch, công khai nhưng cần thực sự khéo léo và tế nhị để tạo được tâm lý đồng thuận.

V. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

Sử dụng trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của Phường 1, Phường 8, Phường 5, Phường 4 hiện nay làm trụ sở phường mới hình thành sau sắp xếp vì có cơ sở vật chất hoàn thiện hơn, xây dựng khang trang, thuận lợi cho nhân dân các khu phố, thôn trong các phường, xã khi về làm việc tại trụ sở và tiếp cận giao lưu với bên ngoài.

- Đối với trạm y tế Phường 3, Phường 6, Phường 2 và xã Bình Ngọc trước mắt có thể sử dụng làm phòng khám cho nhân dân khu vực phường, xã cũ, lâu dài bố trí cho mục đích khác của các phường và thành phố Tuy Hòa.

- Đối với trụ sở cũ các đơn vị hành chính Phường 3, Phường 6, Phường 2 và xã Bình Ngọc sẽ sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công; Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công đã quy định cụ thể trình tự, thủ tục cũng như trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các bộ, ngành, cơ quan trung ương; cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp được giao quản lý, sử dụng nhà, đất, cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan quản lý tài sản công trong việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc sắp xếp các ĐVHC cấp xã tuân theo khoản 4 Điều 23 của Nghị quyết số 35/2019/UBTVQH14 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cụ thể như sau:

1. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Tuy Hòa, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

1.1. Rà soát, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc phê duyệt theo thẩm quyền quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn và các quy hoạch khác có liên quan bảo đảm phù hợp với việc thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030 theo quy định tại Nghị quyết này.

1.2. Tổ chức tuyên truyền, vận động, cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã.

1.3. Tổ chức xây dựng đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã; tổ chức lấy ý kiến cử tri về đề án; thông qua đề án theo quy định tại Nghị quyết này.

1.4. Tổ chức sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các cơ quan, tổ chức ở địa phương; ổn định đời sống của Nhân dân địa phương, bảo đảm quốc phòng, an ninh và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các đơn vị hành chính cấp xã sau khi thực hiện sắp xếp.

1.5. Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định miễn giảm các khoản lệ phí về hộ tịch, đăng ký kinh doanh, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất và các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với các trường hợp bị tác động bởi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã.

1.6. Xây dựng kế hoạch và bố trí nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng kinh tế - xã hội của đơn vị hành chính đô thị sau sắp xếp.

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Phú Yên và các tổ chức thành viên của Mặt trận có trách nhiệm tuyên truyền, vận động Nhân dân để tạo sự đồng thuận, thống nhất về nhận thức và hành động khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Tuy Hòa giai đoạn 2023 -2025.

3. Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên và Hội đồng nhân dân, đại biểu hội đồng nhân dân của thành phố Tuy Hòa, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

VIII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kết luận

Việc thành lập, sáp nhập và điều chỉnh địa giới hành chính các phường, xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên giai đoạn 2023 – 2025 theo Đề án này là phù hợp với thực tiễn và xu hướng phát triển chung của cả nước. Việc thành lập, sáp nhập và điều chỉnh địa giới hành chính các phường, xã sẽ tạo sự thay đổi tích cực và tập trung được nguồn lực, phát huy tiềm năng phát triển của địa phương, phù hợp với yêu cầu đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, tiết kiệm được chi tiêu công, góp phần nâng cao đời sống của cán bộ, công chức, xây dựng bộ máy hành chính hiệu lực, hiệu quả. Sau khi sáp nhập, các đơn vị hành chính cũng có thêm điều kiện thuận lợi để thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết vấn đề bất cập về phân định địa giới đơn vị hành chính, tạo điều kiện cho các phường sớm ổn định và phát triển.

2. Kiến nghị, đề xuất

2.1. Trước khi thành lập, sáp nhập và điều chỉnh địa giới hành chính, địa phương đã làm tốt công tác tuyên truyền, nhất quán trong nhận thức và hành động trong cấp ủy, chính quyền và nhân dân địa phương để tạo nên sự đồng thuận trong toàn hệ thống chính trị. Sau khi thành lập, sáp nhập và điều chỉnh địa giới hành chính cần triển khai ngay phương án hỗ trợ chuyển đổi giấy tờ cho nhân dân, doanh nghiệp tránh gây ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất, kinh doanh. Do đó, kiến nghị Ủy ban

Thường vụ Quốc hội xem xét, ban hành quy định chung về việc miễn giảm tất cả các loại phí, lệ phí liên quan đến việc chuyển đổi giấy tờ cho nhân dân, doanh nghiệp chịu tác động bởi sắp xếp đơn vị hành chính để các địa phương đồng bộ triển khai kịp thời việc miễn phí, lệ phí theo quy định. Bởi vì nếu để chính quyền địa phương cấp tỉnh rà soát, ban hành quyết định miễn giảm phí, lệ phí chuyển đổi giấy tờ khi thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính (theo Công văn số 8006/BTC-NSNN ngày 31/7/2023 của Bộ Tài chính) thì mất rất nhiều thời gian để thực hiện quy trình, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật của địa phương.

2.2. Phương án sáp nhập xã Bình Ngọc với Phường 1 thành đơn vị hành chính đô thị sẽ làm mở rộng phạm vi nội thành của thành phố, nhưng hiện nay việc rà soát đánh giá tiêu chuẩn phân loại đô thị đối với thành phố Tuy Hòa và đánh giá trình độ phát triển cơ sở hạ tầng xã Bình Ngọc (khu vực dự kiến thành lập phường) theo quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân loại đô thị đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do thời gian lập Đề án sáp nhập rất cấp bách, ngoài sự cố gắng của tỉnh rất cần có sự quan tâm, hỗ trợ của các Bộ, ngành Trung ương liên quan để hoàn thiện các thủ tục theo quy định hiện hành để xã Bình Ngọc được công nhận có đủ các tiêu chí sáp nhập với Phường 1 theo quy định hiện hành.

Trên đây là Đề án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Phú Yên giai đoạn 2023 - 2025, kính trình Chính Phủ xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- TTTU, TTHĐND tỉnh Phú Yên;
- CT, các PCT UBND tỉnh Phú Yên;
- Sở Nội vụ;
- Chánh, Phó CVP UBND tỉnh;
- UBND thành phố Tuy Hòa;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Tạ Anh Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

THÔNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN
(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Phú Yên giai đoạn 2023 - 2025)

STT	Tên ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Số ĐVHC cấp xã trực thuộc
				Số người	Tỷ lệ %		Diện tích tự nhiên (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)	
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>
I	Các huyện										
1	Huyện Tuy An			117	0,08		408,04	90,67	145.700	121,42	15
2	Huyện Phú Hoà			479	0,39		256,98	57,11	120.653	100,54	9
3	Huyện Tây Hoà			691	0,51		626,17	139,15	136.763	113,97	11
4	Huyện Sơn Hoà			22.810	33,43		940,43	208,99	67.467	56,22	14
5	Huyện Sông Hinh			24.880	47,75		892,62	198,36	58.045	48,37	11
6	Huyện Đồng Xuân			10.045	14,91		1.030,94	229,10	66.971	55,81	11
II	Các thành phố										
1	Thành phố Tuy Hoà			780	0,44		111,32	74,21	175.824	117,22	16
III	Các thị xã										
1	Thị xã Sông Cầu						493,80	246,90	119.986	119,99	13
2	Thị xã Đông Hoà			65	0,04		265,67	132,83	140.306	140,31	10

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP XÃ

(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Phú Yên giai đoạn 2023 - 2025)

STT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác nếu có	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (Km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Các xã:										
1	Xã An Phú	TP. Tuy Hoà			4	0,04		20,98	69,94	10.923	136,54
2	Xã Bình Kiến	TP. Tuy Hoà			24	0,23		12,19	40,64	10.295	128,69
3	Xã Bình Ngọc	TP. Tuy Hoà			8	0,13		3,58	11,94	6.358	79,48
4	Xã Hoà Kiến	TP. Tuy Hoà			20	0,21		33,15	110,49	9.362	117,03
5	Xã Xuân Thọ 1	TX. Sông Cầu						30,85	102,85	2.929	36,61
6	Xã Xuân Thọ 2	TX. Sông Cầu						24,58	81,93	3.819	47,74
7	Xã Xuân Phương	TX. Sông Cầu						45,34	151,14	9.448	118,10
8	Xã Xuân Thịnh	TX. Sông Cầu						34,12	113,74	11.949	149,36
9	Xã Xuân Cảnh	TX. Sông Cầu						32,95	109,83	12.120	151,50
10	Xã Xuân Bình	TX. Sông Cầu						50,86	169,53	11.496	143,70
11	Xã Xuân Lộc	TX. Sông Cầu						84,80	282,66	15.553	194,41
12	Xã Xuân Hải	TX. Sông Cầu						29,21	97,36	11.341	141,76
13	Xã Xuân Lâm	TX. Sông Cầu						136,69	455,63	3.848	48,10
14	Xã Hoà Thành	TX. Đông Hoà						15,93	53,11	18.493	231,16

STT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác nếu có	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (Km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ
15	Xã Hoà Tân Đông	TX. Đông Hoà						24,11	80,38	14.635	182,94
16	Xã Hoà Xuân Đông	TX. Đông Hoà			11	0,08		20,83	69,44	13.585	169,81
17	Xã Hoà Xuân Nam	TX. Đông Hoà			17	0,39		65,76	219,19	4.383	54,79
18	Xã Hoà Tâm	TX. Đông Hoà			5	0,11		42,74	142,47	4.642	58,03
19	Xã An Xuân	H. Tuy An			7	0,28		34,47	114,90	2.533	31,66
20	Xã An Nghiệp	H. Tuy An			1	0,02		39,32	131,08	5.710	71,38
21	Xã An Ninh Đông	H. Tuy An			5	0,03		22,92	76,40	17.284	216,05
22	Xã An Ninh Tây	H. Tuy An			19	0,12		12,04	40,14	15.338	191,73
23	Xã An Thạch	H. Tuy An						11,09	36,96	6.345	79,31
24	Xã An Dân	H. Tuy An			19	0,22		20,12	67,07	8.700	108,75
25	Xã An Cư	H. Tuy An			16	0,13		20,89	69,65	12.141	151,76
26	Xã An Hiệp	H. Tuy An			12	0,14		46,03	153,44	8.845	110,56
27	Xã An Thọ	H. Tuy An			7	0,21		42,94	143,13	3.401	42,51
28	Xã An Hòa Hải	H. Tuy An			10	0,05		36,56	121,86	18.307	228,84
29	Xã An Mỹ	H. Tuy An			10	0,07		13,61	45,37	13.416	167,70
30	Xã An Lĩnh	H. Tuy An			10	0,22		62,41	208,02	4.541	56,76
31	Xã An Định	H. Tuy An						17,77	59,22	5.867	73,34
32	Xã An Chấn	H. Tuy An						13,44	44,81	12.306	153,83
33	Xã Hoà An	H. Phú Hòa						13,66	45,53	20.799	259,99
34	Xã Hoà Thắng	H. Phú Hòa						17,42	58,06	20.280	253,50
35	Xã Hoà Định Đông	H. Phú Hòa						12,66	42,22	5.596	69,95
36	Xã Hoà Định Tây	H. Phú Hòa						41,68	138,94	9.746	121,83

STT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác nếu có	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (Km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ
37	Xã Hoà Trị	H. Phú Hòa						15,95	53,17	22.154	276,93
38	Xã Hoà Quang Nam	H. Phú Hòa						36,33	121,09	13.531	169,14
39	Xã Hoà Quang Bắc	H. Phú Hòa						50,54	168,47	13.156	164,45
40	Xã Hoà Hội	H. Phú Hòa			479	9,96		54,09	180,31	4.807	60,09
41	Xã Hoà Bình 1	H. Tây Hoà						12,90	43,01	12.885	161,06
42	Xã Hoà Phong	H. Tây Hoà			14	0,10		14,83	49,44	13.821	172,76
43	Xã Hoà Phú	H. Tây Hoà			34	0,31		38,77	129,23	10.814	135,18
44	Xã Hoà Mỹ Tây	H. Tây Hoà			30	0,26		131,41	438,02	11.403	142,54
45	Xã Hoà Mỹ Đông	H. Tây Hoà			13	0,09		58,73	195,77	14.727	184,09
46	Xã Hoà Đồng	H. Tây Hoà			8	0,05		15,14	50,47	17.248	215,60
47	Xã Hoà Tân Tây	H. Tây Hoà			17	0,17		16,35	54,51	10.139	126,74
48	Xã Hoà Thịnh	H. Tây Hoà			41	0,32		144,09	480,32	12.822	160,28
49	Xã Sơn Thành Đông	H. Tây Hoà			37	0,32		81,38	271,26	11.478	143,48
50	Xã Sơn Thành Tây	H. Tây Hoà			475	9,39		97,96	326,52	5.061	63,26
51	Xã Sơn Hà	H. Sơn Hoà			1.193	11,45		57,71	192,37	10.422	130,28
52	Xã Sơn Nguyên	H. Sơn Hoà			345	6,69		64,04	213,48	5.154	64,43
53	Xã Sơn Phước	H. Sơn Hoà	x		2.605	58,11		86,15	172,31	4.483	89,66
54	Xã Sơn Xuân	H. Sơn Hoà			3	0,18		49,20	163,99	1.630	20,38
55	Xã Sơn Long	H. Sơn Hoà						46,21	154,02	2.748	34,35
56	Xã Sơn Định	H. Sơn Hoà	x		484	23,03		56,06	112,11	2.102	42,04
57	Xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà	x		2.667	52,28		165,25	330,49	5.101	102,02
58	Xã Phước Tân	H. Sơn Hoà	x		2.231	88,22		123,99	247,97	2.529	50,58

STT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác nếu có	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (Km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ
59	Xã Cà Lúi	H. Sơn Hoà	x		2.476	82,01		45,38	90,76	3.019	60,38
60	Xã Krông Pa	H. Sơn Hoà	x		3.180	73,04		41,71	83,42	4.354	87,08
61	Xã Suối Trai	H. Sơn Hoà	x		2.091	80,98		64,47	128,94	2.582	51,64
62	Xã Ea Chà Rang	H. Sơn Hoà	x		2.504	62,68		80,77	161,55	3.995	79,90
63	Xã Suối Bạc	H. Sơn Hoà	x		2.712	34,58		35,64	71,28	7.843	156,86
64	Xã Sơn Giang	H. Sông Hinh	x		1.448	26,89		52,58	105,15	5.384	107,68
65	Xã Đức Bình Đông	H. Sông Hinh	x		1.107	20,17		71,15	142,30	5.489	109,78
66	Xã Đức Bình Tây	H. Sông Hinh			617	14,19		29,99	99,96	4.348	54,35
67	Xã Ea Bia	H. Sông Hinh	x		2.945	94,33		27,46	54,93	3.122	62,44
68	Xã Ea Bar	H. Sông Hinh	x		2.883	43,08		102,32	204,63	6.692	133,84
69	Xã Ea Ly	H. Sông Hinh	x		3.550	50,63		79,91	159,82	7.011	140,22
70	Xã Ea Bá	H. Sông Hinh	x		2.362	90,15		51,67	103,34	2.620	52,40
71	Xã Ea Trol	H. Sông Hinh	x		3.706	77,65		154,66	309,31	4.773	95,46
72	Xã Ea Lâm	H. Sông Hinh	x		2.876	86,76		38,24	76,48	3.315	66,30
73	Xã Sông Hinh	H. Sông Hinh	x		1.489	52,30		253,03	506,06	2.847	56,94
74	Xã Xuân Long	H. Đồng Xuân			14	0,59		72,67	242,25	2.390	29,88
75	Xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	x		3511	33,44		126,39	252,78	10.499	209,98
76	Xã Xuân Sơn Bắc	H. Đồng Xuân			3	0,09		35,56	118,54	3.195	39,94
77	Xã Xuân Sơn Nam	H. Đồng Xuân			16	0,26		26,35	87,83	6.169	77,11
78	Xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân	x		1233	22,56		111,64	223,28	5.465	109,30
79	Xã Xuân Quang 2	H. Đồng Xuân			367	8,35		51,28	170,92	4.394	54,93
80	Xã Xuân Quang 3	H. Đồng Xuân						23,60	78,68	6.438	80,48

STT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác nếu có	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (Km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ
81	Xã Xuân Phước	H. Đồng Xuân			547	5,72		79,21	264,03	9.556	119,45
82	Xã Đa Lộc	H. Đồng Xuân	x		1166	22,97		48,26	96,53	5.076	101,52
83	Xã Phú Mỡ	H. Đồng Xuân	x		3187	95,45		435,56	871,12	3.339	66,78
II	Các thị trấn										
1	Thị trấn Chí Thạnh	H. Tuy An			1	0,01		14,42	103,03	10.966	137,08
2	Thị trấn Phú Hòa	H. Phú Hòa						14,64	104,58	10.584	132,30
3	Thị trấn Phú Thứ	H. Tây Hòa			22	0,13		14,62	104,39	16.365	204,56
4	Thị trấn Củng Sơn	H. Sơn Hòa			319	2,77		23,87	170,47	11.505	143,81
5	Thị trấn Hai Riêng	H. Sông Hinh	x		2.449	19,68		31,62	63,23	12.444	248,88
6	Thị trấn La Hai	H. Đồng Xuân			1	0,01		20,41	145,77	10.450	130,63
III	Các phường:										
1	Phường 1	TP. Tuy Hòa			116	1,85		0,55	9,93	6.270	89,57
2	Phường 2	TP. Tuy Hòa			32	0,30		0,73	13,22	10.655	152,21
3	Phường 3	TP. Tuy Hòa			64	1,02		0,30	5,40	6.302	90,03
4	Phường 4	TP. Tuy Hòa			24	0,20		0,59	10,65	12.122	173,17
5	Phường 5	TP. Tuy Hòa			36	0,27		1,34	24,32	13.572	193,89
6	Phường 6	TP. Tuy Hòa			32	0,34		1,58	28,74	9.475	135,36
7	Phường 7	TP. Tuy Hòa			232	2,32		1,75	31,78	10.000	142,86
8	Phường 8	TP. Tuy Hòa			40	0,44		1,47	26,67	9.276	132,51
9	Phường 9	TP. Tuy Hòa			104	0,43		10,61	192,97	23.849	340,70
10	Phường Phú Lâm	TP. Tuy Hòa			16	0,15		4,90	89,06	10.725	153,21
11	Phường Phú Thạnh	TP. Tuy Hòa			20	0,18		9,82	178,49	11.367	162,39

STT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác nếu có	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (Km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ
12	Phường Phú Đông	TP. Tuy Hòa			8	0,05		7,80	141,73	15.238	217,69
13	Phường Xuân Phú	TX. Sông Cầu						5,83	106,05	9.006	180,12
14	Phường Xuân Thành	TX. Sông Cầu						3,98	72,40	10.715	214,30
15	Phường Xuân Yên	TX. Sông Cầu						5,20	94,52	7.527	150,54
16	Phường Xuân Đài	TX. Sông Cầu						9,38	170,55	10.235	204,70
17	Phường Hoà Vinh	TX. Đông Hoà						9,45	171,75	17.109	342,18
18	Phường Hoà Xuân Tây	TX. Đông Hoà			24	0,16		43,99	799,90	15.135	302,70
19	Phường Hoà Hiệp Bắc	TX. Đông Hoà						14,36	261,02	12.564	251,28
20	Phường Hoà Hiệp Trung	TX. Đông Hoà						13,48	245,17	25.892	517,84
21	Phường Hoà Hiệp Nam	TX. Đông Hoà			8	0,06		15,01	272,86	13.868	277,36

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

THÔNG KÊ ĐVHC CẤP XÃ THUỘC DIỆN SẮP XẾP GIAI ĐOẠN 2023 - 2025
(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Phú Yên giai đoạn 2023 - 2025)

STT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác nếu có	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (Km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Các xã:										
1	Xã Bình Ngọc	TP. Tuy Hoà			8	0,13		3,58	11,94	6.393	79,91
II	Các phường:										
1	Phường 1	TP. Tuy Hòa			116	1,85		0,55	9,93	6.270	89,57
2	Phường 2	TP. Tuy Hòa			32	0,30		0,73	13,22	10.655	152,21
3	Phường 3	TP. Tuy Hòa			64	1,02		0,30	5,40	6.302	90,03
4	Phường 4	TP. Tuy Hòa			24	0,20		0,59	10,65	12.122	173,17

